BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Phục vụ đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ANI**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2004, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 04/06/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02862905659

Website: www.ani.vn

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Đặng Tất Thành
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 02862905659
- Email: info@ani.vn

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ANI
  Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: ANI JOINT STOCK COMPANY
  Tên Công ty viết tắt: CTY ANI
- Trụ sở chính: 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 02862905659 Website: www.ani.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 239.992.700.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 239.992.700.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2004, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 04/06/2025.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tất Thành - chức danh: Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần ANI
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: ANI
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 23.999.270 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 06 cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 23.999.264 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu (chiếm 0% cổ phiếu đăng ký)
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty 0% theo quy định pháp luật: 0% *(Theo nội dung Công văn số 855/UBCK-PTTT ngày 26/01/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng của Công ty cổ phần ANI)*.

3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

3.1 Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần ANI *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Sông Đà, mã chứng khoán SIC)* có tiền thân là Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 234/BXD-TCLĐ ngày 22/05/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, với chức năng là đơn vị đại diện của Tổng Công ty Sông Đà tại khu vực phía Nam.

Ngày 24/12/2003, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1716/QĐ-BXD về việc chuyển đổi Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Sông Đà, đánh dấu việc chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần theo chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 08/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội *(nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX)* với mã chứng khoán SIC theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Ngày 13/12/2015, Tổng Công ty Sông Đà đã thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty thông qua giao dịch chuyển nhượng cổ phần, dẫn đến sự thay đổi cơ cấu cổ đông và chấm dứt vai trò cổ đông của doanh nghiệp nhà nước tại Công ty.

Tháng 7/2017, Công ty TNHH Anza *(nay là Công ty Cổ phần ANZA)* trở thành cổ đông lớn của Công ty với tỷ lệ sở hữu 26,21%.

Ngày 28/06/2017 Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ANI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn mới.

Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty Cổ phần ANZA tiếp tục gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty; đến tháng 9/2021, cổ đông này đã thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông để nâng tỷ lệ sở hữu lên trên 65% mà không phải thực hiện chào mua công khai theo quy định pháp luật, qua đó trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối tại Công ty.

Năm 2023, Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng về cơ cấu cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại văn bản số 906/CNVSD-ĐK.NV ngày 03/03/2023 và Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 122/2023-SIC/VSD-ĐK ngày 03/03/2023, số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn của Công ty là 485 cổ đông, tương ứng 9,48% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trên cơ sở đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 3502/UBCK-GSĐC ngày 09/6/2023 xác nhận Công ty không còn là công ty đại chúng; đồng thời, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 624/QĐ-SGDHN ngày 23/06/2023 về việc hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu SIC theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 21/07/2023.

Sau khi thực hiện tái cấu trúc cơ cấu cổ đông, đến ngày 14/04/2025, Công ty đã đáp ứng đầy đủ điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán *(đã được sửa đổi, bổ sung)*.

Ngày 22/12/2025, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 9118/UBCK-GSĐC.

Ngày 22/01/2026, Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận hoàn tất đăng ký mã cổ phiếu với mã chứng khoán ANI.

Đến nay, Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu cổ đông do khu vực tư nhân chi phối, tập trung vào các lĩnh vực đầu tư, phát triển bất động sản và đầu tư năng lượng *(thủy điện)*, đồng thời tiếp tục thực hiện tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển dài hạn.

3.2 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

Ngày 14/04/2025, Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung).

Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 22/12/2025, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 9118/UBCK-GSĐC.

3.3 Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng *(ngày 14/04/2025)*:

- Vốn điều lệ: 239.992.700.000 đồng *(Hai trăm ba mươi chín tỷ chín trăm chín mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng)*.
- Vốn chủ sở hữu:
  - Vốn chủ sở hữu *(theo báo cáo tài chính riêng)*: 508.264.932.489 đồng.
  - Vốn chủ sở hữu *(theo báo cáo tài chính hợp nhất)*: 711.042.053.548 đồng.
- Số lượng cổ đông: 413 cổ đông *(căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 14/04/2025)*.
- Cơ cấu cổ đông:
  - Cổ đông lớn: 03 cổ đông, sở hữu 20.390.082 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,961%.
  - Cổ đông khác: 410 cổ đông, sở hữu số lượng 3.609.188 cổ phần, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ là: 15,039%.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm này đảm bảo đáp ứng điều kiện về số lượng cổ đông và tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

3.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

Công ty Cổ phần ANZA là công ty mẹ của Công ty Cổ phần ANI, hiện nắm giữ 73,328% vốn điều lệ và có quyền kiểm soát đối với Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công ty Cổ phần ANZA trở thành công ty mẹ của Công ty kể từ năm 2021 khi nâng tỷ lệ sở hữu lên trên 65% vốn điều lệ

Bảng 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty

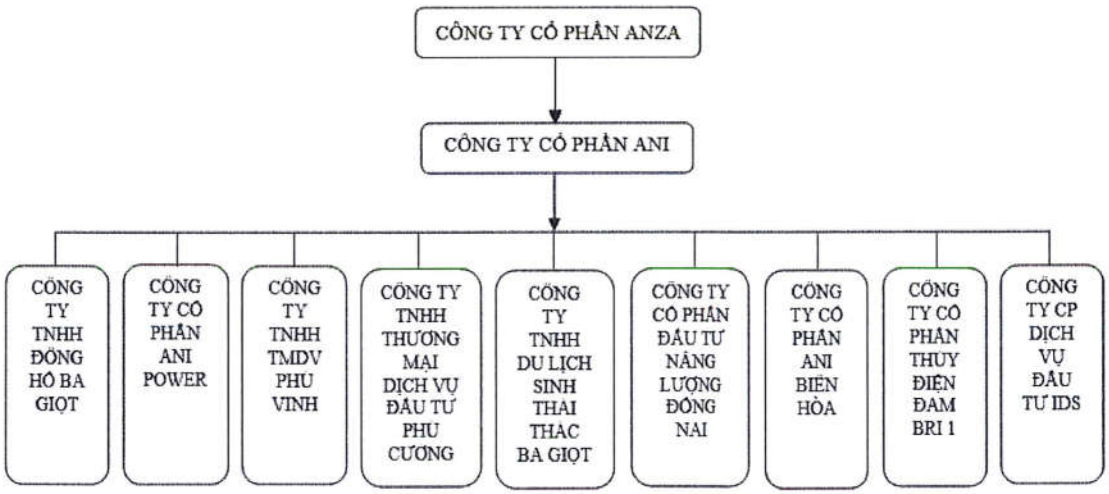

Bảng 2: Cơ cấu tổ chức và các đơn vị thành viên của Công ty

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Số điện thoại	Vốn điều lệ *(tỷ đồng)*	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số Giấy phép ĐKKD	Ngành nghề chính
I	**Công ty mẹ**						
1	Công ty Cổ phần ANZA	Số 5 phố Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội	0366777668	370	73,32	0106444478	Lắp đặt hệ thống điện
II	**Các công ty con** *(Công ty ANI nắm quyền kiểm soát)*						
1	Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	Khu 6, ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	0977 141414	3,750	100	3603755158	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
2	Công ty Cổ phần ANI Power	Khu 2, Ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	0251 6271383	720	99,8	0314620558	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH TMDV Phú Vinh	Khu 1, Ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	0977141414	10	100	3603674371	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Phú Cường	Khu 1, Ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	0977141414	15	100	3603673716	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	Khu 6, ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	0824322322		65	3603983549	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Số điện thoại	Vốn điều lệ *(tỷ đồng)*	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số Giấy phép ĐKKD	Ngành nghề chính
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	Khu 6, ấp Suối Soong 1, Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	02862905659	460	93,32	3603711400	Sản xuất điện
7	Công ty Cổ phần ANI Biên Hòa	Số nhà 142/12/16 tổ 49 khu phố 11A, Phường Tân Triều, Tỉnh Đồng Nai	02862905659	600	99,8	3603499634	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Đam Bri 1	Thôn 10, Phường 1 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	02862905659	42	77	5801526361	Sản xuất điện
III	**Công ty liên kết**						
1	Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, TP Hồ Chí Minh	02862905659	3	40	0318893242	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

Nguồn: Công ty Cổ phần ANI

Công ty thực hiện quyền kiểm soát đối với các công ty con thông qua việc nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và/hoặc quyền biểu quyết theo quy định pháp luật. Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không nắm quyền kiểm soát.

Các công ty con của Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất điện, bất động sản, dịch vụ và du lịch, phù hợp với chiến lược phát triển đa ngành của Công ty.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Bảng 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

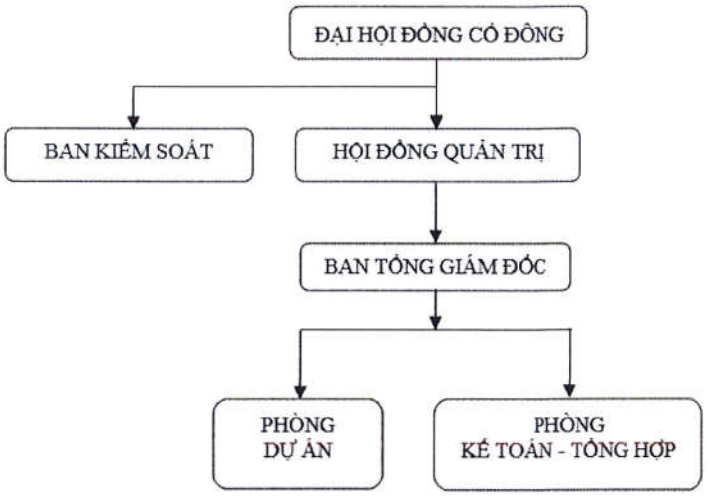

Nguồn: Công ty cổ phần ANI

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty được xây dựng phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

4.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật. Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên.

4.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tính minh bạch, hợp pháp và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

4.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 02 thành viên, bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.5 Các phòng chức năng

4.5.1 Phòng Kế toán - Tổng hợp: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chịu trách nhiệm thực hiện các công tác về lao động tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, công tác bảo vệ - thanh tra pháp chế; Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán.

4.5.2 Phòng Dự án: Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về công tác đầu tư; tham mưu cho lãnh đạo thực hiện công tác đấu thầu, nghiên cứu giá cả thị trường, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm các dự án đầu tư; các công tác quản lý kỹ thuật; Công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị của Công ty.

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Từ khi thành lập đến nay, Công ty có quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ như sau:

Bảng 4: Quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ

Thời điểm (tháng/năm)	**Vốn điều lệ sau khi tăng**	**Giá trị vốn điều lệ tăng thêm**	**Hình thức tăng**	**Cơ sở pháp lý**
22/03/2004	10.000.000.000 đồng	10.000.000.000 đồng	Góp vốn điều lệ thành lập Công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2004
24/04/2005	15.000.000.000 đồng	5.000.000.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/02/2025 - Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02 CT/HĐQT ngày 26/02/2005 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 1 ngày 24/04/2005
23/02/2006	22.000.000.000 đồng	7.000.000.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2005 Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07 CT/HĐQT ngày 23/11/2005 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 2 ngày 23/02/2006
27/12/2007	50.000.000.000 đồng	28.000.000.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 4 ngày 27/12/2007

Thời điểm (tháng/năm)	**Vốn điều lệ sau khi tăng**	**Giá trị vốn điều lệ tăng thêm**	**Hình thức tăng**	**Cơ sở pháp lý**
06/12/2010	80.000.000.000 đồng	30.000.000.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/HĐQT ngày 26/07/2010 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 06/12/2010.
08/11/2016	159.997.150.000 đồng	79.997.150.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Theo Nghị quyết của hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 18/7/2016 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 12 ngày 08/11/2016
10/05/2018	199.994.910.000 đồng	39.997.760.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/01/2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 15 ngày 10/05/2018
07/06/2019	239.992.700.000 đồng	39.997.790.000 đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2019 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2019/NQ-HĐQT ngày 02/04/2019; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 16 ngày 07/06/2019
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký công ty đại chúng	239.992.700.000 đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 18 ngày 04/06/2025			

Nguồn: Công ty cổ phần ANI

Do thời gian đã lâu, các tài liệu liên quan hiện không còn được lưu trữ đầy đủ; Công ty cam kết các thông tin về việc tăng vốn của Công ty qua từng thời điểm nêu trên là trung thực, chính xác và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết.

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

6.1 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất tại thời điểm 11/05/2026

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	**Cổ đông trong nước, nước ngoài**			
1	**Trong nước**	387	23.968.076	99,87%
1.1	Nhà nước	0	0	0 %
1.2	Tổ chức	15	20.456.764	85,239%
1.3	Cá nhân	372	3.511.312	14,631%
2	**Nước ngoài**	26	31.194	0,13%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0 %
2.2	Cá nhân, tổ chức	26	31.194	0,13%
	Tổng cộng	**413**	**23.999.270**	**100%**
II	**Cổ đông lớn, cổ đông khác**			
1	Cổ đông lớn	03	20.390.082	84,961%
2	Cổ đông khác	410	3.609.188	15,039%
	Tổng cộng	**413**	**23.999.270**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSDC cung cấp ngày 11/05/2026

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm hiện tại đáp ứng điều kiện về số lượng cổ đông và tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty 0% theo quy định pháp luật: 0% *(Theo nội dung Công văn số 855/UBCK-PTTT ngày 26/01/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng của Công ty cổ phần ANI)*.

6.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 11/05/2026

Bảng 6: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần ANZA	Số 5 Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	0106444478	24/02/2025	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội *(nay là Sở Tài Chính TP Hà Nội)*	17.598.193	73,328

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2	Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê	Số 12 đường Giáp Hải, Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	6001554971	12/12/2024	Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đắk Lắk *(nay là Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Lắk)*	1.523.622	6,348
3	Công ty TNHH MTV MYA	382 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Hồ Chí Minh	0315136195	17/05/2021	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh *(nay là Sở Tài Chính TP Hồ Chí Minh)*	1.268.267	5,285
Tổng cộng						**20.390.082**	**84,961**

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSDC cung cấp ngày 11/05/2026

Trong đó, Công ty Cổ phần ANZA là cổ đông lớn nhất và là công ty mẹ, nắm quyền kiểm soát tại Công ty.

6.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Đến thời điểm hiện tại, Các cổ phần của cổ đông sáng lập đã được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Hoạt động kinh doanh

(i)Hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào các lĩnh vực chính sau:

Lĩnh vực năng lượng: Đầu tư, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ. Các nhà máy đã đi vào vận hành thương mại, tạo nguồn doanh thu tương đối ổn định và dòng tiền thường xuyên cho Công ty thông qua hoạt động bán điện. Các dự án tiêu biểu mà Công ty tham gia bao gồm:

- Nhà máy Thủy điện Krông K'mar tại Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk (huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cũ), với công suất 12 MW, đưa vào vận hành từ tháng 5/2008;
- Nhà máy Thủy điện Đam B'ri 1 tại Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, với công suất 7,5 MW, đưa vào vận hành từ 08/2019;
- Nhà máy Thủy điện Pleikeo tỉnh Gia Lai (xã Đêr Ar, huyện Mang Yang và tại các xã Ayun – Bar Măih – Bờ Ngoong, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai cũ), với công suất 10,5 MW; Nhà máy được đưa vào khai thác vận hành từ tháng 10/2018.
- Nhà máy Thủy điện Phú Tân 2 tại xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai (huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cũ), với công suất 93 MW, Nhà máy được đưa vào khai thác vận hành từ tháng 9/2023.

(ii) Lĩnh vực bất động sản: Đầu tư và phát triển các dự án nhà ở và khu đô thị. Hoạt động này đang trong quá trình triển khai theo từng giai đoạn, doanh thu phụ thuộc vào tiến độ hoàn thiện pháp lý, xây dựng và điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định. Các dự án tiêu biểu mà Công ty tham gia bao gồm:

- Dự án Văn phòng làm việc và căn hộ cao cấp Sông Đà tại 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, TP Hồ Chí Minh *(Phường 9, Quận 3 cũ)* với số lượng 40 căn hộ và 04 tầng Văn phòng. Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 01/2010.

- Dự án chung cư Phú Mỹ tại Phường Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh (thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) số lượng 624 căn hộ và 18 căn thương mại. Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 07/2022;

- Dự án Sông Đà IDC Tower tại Phường An Hội Đông, TP Hồ Chí Minh (Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh) số lượng 384 căn hộ và 18 căn thương mại. Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 08/2019;

- Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai *(huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai)*.

(iii) Hoạt động tài chính: Thực hiện đầu tư tài chính, bao gồm cho vay, hợp tác đầu tư và bố trí vốn tại các đơn vị có liên quan và đối tác. Hoạt động này phát sinh doanh thu từ lãi cho vay và các khoản thu tài chính khác.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

8.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024, 2025 và Quý I/2026

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Các Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý I/2026
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	545.488.296.925	663.001.351.551	93.080.353.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	8.332.297	0	31.132.307
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	545.479.964.628	663.001.351.551	93.049.221.542
4. Giá vốn hàng bán	210.383.693.330	242.198.693.256	49.727.667.404
5. Doanh thu hoạt động tài chính	37.114.118.256	28.938.369.805	8.543.345.192
6. Chi phí tài chính	149.238.642.781	184.518.520.079	52.293.309.737
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.234.823.966	21.330.471.166	6.968.668.953
8. Lợi nhuận trước thuế	206.924.350.547	243.108.108.478	(7.453.315.519)
9. Lợi nhuận sau thuế TNDN	204.970.271.154	238.926.842.390	(10.025.930.466)

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần ANI và báo cáo tài chính quý 1 năm 2026 của Công ty Cổ Phần ANI.

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2023 - 2025. Doanh thu thuần tăng từ 384,9 tỷ đồng năm 2023 lên 663,0 tỷ đồng năm 2025, tương ứng mức tăng trưởng đáng kể. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 238,9 tỷ đồng, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh được cải thiện.

Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc các dự án thủy điện đi vào vận hành ổn định và đóng góp doanh thu, đồng thời hoạt động kinh doanh bất động sản từng bước được triển khai.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Thuận lợi:

Trong giai đoạn 2024 - 2025, Công ty được hưởng lợi từ việc các dự án thủy điện vận hành ổn định, tạo nguồn thu và dòng tiền đều đặn. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng tiếp tục đóng góp tích cực vào doanh thu của Công ty.

8.2.2 Khó khăn:

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô như chính sách tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản, tiến độ hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án, cũng như biến động của thị trường cho thuê bất động sản trong giai đoạn 2024 - 2025.

8.3.3 Các rủi ro chính:

- Rủi ro thị trường: Biến động thị trường bất động sản và giá điện có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.
- Rủi ro pháp lý: Các dự án bất động sản phụ thuộc vào tiến độ phê duyệt thủ tục pháp lý.
- Rủi ro thủy văn: Hoạt động thủy điện phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và lưu lượng nước.
- Rủi ro tài chính: Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính, do đó chịu ảnh hưởng từ biến động lãi suất.
- Rủi ro tập trung sở hữu: Cơ cấu cổ đông tập trung có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị.

9. Vị thế của công ty trong ngành

9.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

9.1.1 Trong lĩnh vực kinh doanh khai thác điện:

Công ty đã tham gia đầu tư và vận hành nhiều dự án thủy điện trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay, với tổng công suất các dự án đã và đang triển khai đạt quy mô đáng kể trong phân khúc thủy điện vừa và nhỏ *(bao gồm các nhà máy như Krông K'mar, Đam B'ri 1, Pleikeo và Phú Tân 2*).

Thông qua việc trực tiếp triển khai tại nhiều dự án, Công ty đã tích lũy kinh nghiệm toàn diện trong chuỗi giá trị của ngành điện, bao gồm: chuẩn bị đầu tư, thi công xây dựng, quản lý tiến độ, cũng như vận hành thương mại nhà máy. Đặc biệt, việc tham gia các dự án có quy mô công suất từ nhỏ đến vừa *(trong đó có dự án công suất lên đến hàng chục MW)* cho thấy năng lực từng bước mở rộng về quy mô và mức độ phức tạp của dự án.

Trong bối cảnh ngành điện đang dịch chuyển theo hướng đa dạng hóa nguồn năng lượng, Công ty đang ở giai đoạn củng cố nền tảng vận hành thủy điện, đồng thời nghiên

cứu cơ hội mở rộng sang các loại hình năng lượng khác như điện gió, điện mặt trời … nhằm phù hợp với năng lực và điều kiện thị trường.

Thế mạnh của Công ty so với các doanh nghiệp khác ở cùng địa bàn:

- Kinh nghiệm triển khai thực tế nhiều dự án thủy điện tại khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ;

- Khả năng phát triển dự án theo từng giai đoạn, phù hợp với năng lực tài chính;

- Nền tảng vận hành ổn định từ các nhà máy đã đưa vào khai thác.

9.1.2 Trong kinh doanh bất động sản:

Trong lĩnh vực bất động sản, Công ty đã tham gia đầu tư và phát triển nhiều dự án nhà ở và căn hộ tại TP. Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận, với các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng qua nhiều giai đoạn *(từ năm 2010 đến năm 2022)*, bao gồm các dự án căn hộ, tổ hợp văn phòng và khu dân cư với quy hàng trăm căn hộ.

Là đơn vị Chủ đầu tư các dự án tiêu biểu như Sông Đà Tower, Sông Đà IDC Tower và Chung cư Phú Mỹ nên Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong:

- Phát triển dự án nhà ở và căn hộ trung – cao tầng;
- Triển khai dự án tại khu vực đô thị lớn;
- Quản lý xây dựng và hoàn thiện sản phẩm đưa vào khai thác sử dụng.

Ngoài ra, Công ty cũng đang mở rộng sang các loại hình bất động sản khác như khu du lịch sinh thái, qua đó từng bước đa dạng hóa danh mục đầu tư.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Trong giai đoạn tới, Công ty định hướng tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực cốt lõi, bao gồm năng lượng và bất động sản.

Đối với lĩnh vực năng lượng: Công ty tập trung khai thác hiệu quả các dự án thủy điện hiện hữu nhằm đảm bảo nguồn thu ổn định, đồng thời nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án năng lượng mới phù hợp với điều kiện thị trường và năng lực của Công ty.

Đối với lĩnh vực bất động sản: Công ty tiếp tục triển khai các dự án đang có, đồng thời xem xét mở rộng quỹ đất và phát triển các dự án mới theo hướng phù hợp với nhu cầu thị trường và khả năng tài chính.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hoạt động, nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa nguồn lực nhằm cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các định hướng phát triển nêu trên được xây dựng trên cơ sở đánh giá điều kiện thị trường và có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 25/05/2026 là 25 người với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn được thể hiện như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động Công ty

Bảng 8: Cơ cấu lao động Công ty

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Phân theo giới tính**	**25**	**100%**
1	Nam	14	56%
2	Nữ	11	44%
II	**Phân theo trình độ chuyên môn**	**25**	**100%**
1	Đại học và Trên đại học	21	84%
2	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, lái xe	04	16%

Nguồn: Công ty cổ phần ANI

10.2. Chế độ và chính sách:

10.2.1 Chế độ làm việc:

Giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định của nhà nước như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm Tai nạn - Thất nghiệp, Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.

Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động: hàng năm Công đoàn Công ty phối hợp với Đoàn thanh niên đã tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao cho người lao động, tổ chức đi du lịch hàng năm. Đồng thời tại điều kiện tốt nhất để người lao động được nghỉ ngơi đầy đủ tại các ngày lễ quy định của Nhà nước

10.2.2 Lương, thưởng, phúc lợi:

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2025 là: 18,3 triệu đồng/ người/tháng. Đây là mức thu nhập được xếp vào hạng trung bình đối với đặc thù kinh doanh và địa bàn kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh vá các tỉnh thành phía Nam.

10.2.3 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ kịp thời các quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng lao động, lương thưởng..., Cán bộ nhân viên công ty được bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên bằng các khóa ngắn ngày để cập nhật tốt kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ tốt cho công việc được giao.

11. Chính sách cổ tức:

Trong năm 2025, Công ty cổ phần ANI đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt là 05% *(năm phần trăm)* từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Bảng 9: Chính sách cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Tỷ lệ chi trả cổ tức/mệnh giá	5%	15%	5%
Tình hình thực hiện	Đã chi trả ngày 02/07/2025	Đã thực hiện chi trả từ ngày 26/05/2026	-

Nguồn: Công ty Cổ phần ANI

Cổ đông phổ thông của Công ty được hưởng cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật. Đối với cổ tức năm 2025, Công ty thực hiện chi trả từ ngày 26/05/2026 trên cơ sở nghị quyết 01/2026/NQ-ĐHCĐ ngày 11/04/2026 đã được thông qua.

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất:

12.1. Các khoản phải thu:

12.1.1 Các khoản phải thu ngắn hạn:

a. Phải thu ngắn hạn khách hàng:

Bảng 10: Phải thu ngắn hạn khách hàng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu ngắn hạn khách hàng: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Xí nghiệp Hà Châu 2	1.087.150.000	0	0
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	1.169.682.233	1.169.682.233	1.169.682.233
Ban quản trị nhà chung cư Osimi Gò Vấp	726.000.000	1.452.000.000	192.300.000
Các đối tượng khác	32.700.108.113	30.631.840.134	36.026.493.474
Tổng	**35.682.940.346**	**33.253.522.367**	**37.388.475.707**
Phải thu ngắn hạn khách hàng: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Xí nghiệp Hà Châu 2	1.087.150.000	0	0
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	1.169.682.233	1.169.682.233	1.169.682.233
Công ty CP Xây dựng S55	0	3.189.766.400	0
Công ty Mua bán Điện (EVN)	150.740.202.876	221.864.187.144	70.663.586.749
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.847.178.074	24.709.354.253	7.722.752.832
Các đối tượng khác	33.451.745.748	32.934.777.093	38.464.635.397
Tổng	**192.295.958.931**	**283.867.767.123**	**118.020.657.211**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

b. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Bảng 11: Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Trả trước cho người bán ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Công ty CP Sông Đà 207	1.300.000.000	0	0
Công ty CP Phát triển Kỹ thuật Thương mại	500.000.000	500.000.000	500.000.000

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Công ty TNHH MTV Đức Toàn Minh	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư IDS	0	0	2.128.107.600
Các đối tượng khác	1.874.688.722	672.417.132	672.417.132
Tổng	**4.074.688.722**	**1.572.417.132**	**3.700.524.732**
Trả trước cho người bán ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Công ty CP Phát triển Kỹ thuật Thương mại	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV Đức Toàn Minh	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Power Trans	0	740.077.800	0
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co.,Ltd	2.289.600.000	0	0
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Khởi Phát	700.000.000	0	0
Công ty CP Sông Đà 207	1.300.000.000	0	0
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thúy Ngọc	736.500.000	0	0
Công ty cổ phần Xây dựng S55	0	0	142.000.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư IDS	0	0	2.128.107.600
Harbin Electric Machinery Company Limited	0	0	37.232.550.000
Các đối tượng khác	2.418.296.402	1.460.563.812	3.997.756.612
Tổng	**8.344.396.402**	**3.100.641.612**	**184.130.306.612**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

c. Phải thu về cho vay

*** Phải thu về cho vay ngắn hạn:**

Bảng 12: Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu về cho vay ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	2.588.000.000	3.307.500.000	0
Công ty CP ANI POWER	26.797.520.384	0	0
Công ty TNHH TMDV Phú Vinh (1)	1.144.000.000	2.498.895.724	3.571.895.724
Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường (2)	477.000.000	0	1.036.000.000

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu về cho vay ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đam B'Ri (3)	0	3.861.000.000	5.064.500.000
Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1(4)	0	4.315.000.000	4.315.000.000
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS (5)	0	15.015.000.000	13.000.000.000
Tổng	**31.006.520.384**	**28.997.395.724**	**26.987.395.724**
Phải thu về cho vay ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đam B'ri (3)	0	3.861.000.000	5.064.500.000
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS (5)	0	15.015.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (6)	0	19.345.314.528	15.910.314.528
Tổng	**0**	**38.221.314.528**	**33.974.814.528**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

(1) Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty TNHH TMDV Phú Vinh theo Hợp đồng cho vay số 3007/2024/HĐNT/ANI-PHUVINH, lãi suất cho vay là 5,2% áp dụng đến hết Q1/2025. Từ Q2/2025 lãi suất cho vay áp dụng là 5,5% . Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện sửa chữa bảo dưỡng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất 2MW tại Xã Phú Vinh và Xã Định Quán, TP Đồng Nai.

(2) Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường theo Hợp đồng cho vay số 3110/2024/HĐNT/ANI-PHUCUONG, lãi suất cho vay là 5,2% áp dụng đến hết Q1/2025. Từ Q2/2025 lãi suất cho vay áp dụng là 5,5%. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện sửa chữa bảo dưỡng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất 2MW tại Xã Phú Vinh và Xã Định Quán, TP Đồng Nai.

(3) Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty CP Đầu tư phát triển Đam B'ri theo Hợp đồng cho vay số 2805/2025//HĐNT/ANI-DBRI, lãi suất cho vay là 5,5%; Mục đích của khoản vay nhằm hỗ trợ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đam B'ri thực hiện công tác nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ đề xuất mở rộng Dự án Nhà máy Thủy điện ĐamB'ri thông qua việc nâng công suất thêm 10 MW để đề xuất bổ sung vào Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đam B'ri là đơn vị đã thực hiện đầu tư và phát triển Dự án Nhà máy Thủy điện ĐamB'ri 1. Hiện nay, Nhà máy Thủy điện ĐamB'ri 1 đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Thủy điện ĐamBri 1 quản lý và vận hành; Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đam B'ri đang tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến phương án mở rộng dự án và thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay đã ký kết.

(4) Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1 Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1 theo Hợp đồng cho vay số 2706/2025/HĐNT/ANI- DBRI với lãi suất cho vay là 5,5%, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(5) Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS theo Hợp đồng cho vay số 1807/2025/HĐNT/ANI-IDS, lãi suất cho vay là 5,5%, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(6) Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty CP Sông Đà 505 theo Hợp đồng cho vay số 0803/2025/HĐNT/ANI-S55, lãi suất cho vay là 5,5%, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

*** Phải thu về cho vay dài hạn:**

Bảng 13: Phải thu về cho vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu về cho vay dài hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Công ty CP Đầu tư Anzen (*)	201.200.000.000	0	0
Tổng	**201.200.000.000**	**0**	**0**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

(*) Phải thu về cho vay dài hạn theo Hợp đồng vay vốn số 2406/2024/HĐVV ngày 24/06/2024 giữa Công ty con (Công ty CP Ani Power) với Công ty CP Đầu tư Anzen với thời hạn vay từ 25/06/2024 đến 24/06/2037. Mục đích vay là để thực hiện đầu tư mua cổ phần để sở hữu hoặc sở hữu tỷ lệ chi phối tại các dự án năng lượng đang kinh doanh hiệu quả hoặc có tiềm năng phát triển tốt. Lãi suất vay vốn bằng lãi suất khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương + biên độ 0,3%. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 6,3%. Trong năm 2025, Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho vay trước hạn.

d. Phải thu ngắn hạn khác

Bảng 14: Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu ngắn hạn khác: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Tạm ứng	17.484.172.869	25.922.189.984	28.459.428.805
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	393.530	0	0
Ông Doãn Anh Linh	5.589.917.763	0	0
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	4.315.750.622	4.315.750.622	4.315.750.622
Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	36.500.000.000	0	0
Công ty CP Điện Mặt trời Trang Đức (**)	0	20.000.000.000	27.500.000.000
Cổ tức phải thu	1.313.000.000	7.867.686.474	2.162.159.924
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm, cho vay	4.500.801.724	5.089.206.341	4.105.680.131
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	40.000.000	20.000.000

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu khác	735.081.051	350.599.117	377.842.530
Tổng	**70.479.117.559**	**63.585.432.538**	**66.940.862.012**
Phải thu ngắn hạn khác: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Tạm ứng	147.084.371.112	170.199.251.816	171.913.722.459
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	393.530	0	0
Ông Doãn Anh Linh	5.589.917.763	0	0
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N (*)	4.315.750.622	4.315.750.622	4.315.750.622
Công ty CP Điện Mặt trời Trang Đức (**)	0	20.000.000.000	27.500.000.000
Ông Đặng Tất Thành (***)	0	598.730.000.000	598.730.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	36.500.000.000	0	0
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm, cho vay	4.527.404.876	6.608.933.996	21.533.593.664
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	40.000.000	20.000.000
Phải thu khác	1.455.456.427	665.046.954	1.421.852.945
Tổng	**199.513.294.330**	**800.558.983.388**	**816.294.919.690**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

(*) Khoản phải thu của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/KN-2003 ngày 28/03/2003 về Đầu tư dự án xây dựng hạ tầng khu nhà ở kinh doanh tại phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản phải thu này đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% từ năm 2018. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện xóa sổ khoản phải thu do vụ việc vẫn đang trong quá trình được Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết. Trước đây, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; hiện nay, theo cơ cấu tổ chức mới của hệ thống Tòa án nhân dân, hồ sơ vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh. Do quyền và nghĩa vụ của các bên chưa được xác định bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Công ty tiếp tục theo dõi khoản công nợ, thực hiện các biện pháp pháp lý cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và sẽ xử lý khoản công nợ theo kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền và quy định pháp luật hiện hành.

(**) Khoản ứng tiền mua cổ phần cho ông Đoàn Hùng Sơn (đại diện các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức) phát sinh theo Biên bản thỏa thuận ngày 01/10/2025. Theo nội dung Biên bản thỏa thuận, Công ty dự kiến nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức.

Tại thời điểm ký kết Biên bản thỏa thuận, Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức

đang nghiên cứu, lập hồ sơ đề xuất bổ sung quy hoạch và đề xuất đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Chư Pơng tại xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai.

Ngày 02/03/2026, Công ty Cổ phần ANI Power, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 và Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức đã ký Thỏa thuận liên danh để tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Chư Pơng. Theo Thỏa thuận liên danh, Công ty Cổ phần ANI Power là thành viên đứng đầu liên danh với tỷ lệ tham gia 65%, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 tham gia với tỷ lệ 20% và Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức tham gia với tỷ lệ 15%.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính Quý I năm 2026 (ngày 31/03/2026), cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành quyết định chấp thuận nhà đầu tư đối với Dự án Nhà máy điện gió Chư Pơng. Do đó, Công ty và các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức chưa thực hiện ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần theo Biên bản thỏa thuận ngày 01/10/2025.

Ngày 21/05/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 2178/QĐ-UBND chấp thuận Liên danh Công ty Cổ phần ANI Power, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 và Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức là nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Chư Pơng tại tỉnh Gia Lai. Dự án này đã được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 02/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, với tổng mức đầu tư khoảng 1.600 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức là một trong các thành viên của liên danh nhà đầu tư.

Sau khi các bên rà soát và xác định lại các nội dung giao dịch theo Biên bản thỏa thuận ngày 01/10/2025, Công ty Cổ phần ANI và Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trang Đức đã thống nhất chấm dứt việc thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phần theo Biên bản thỏa thuận này.

Toàn bộ khoản tiền ứng trước mua cổ phần đã được hoàn trả đầy đủ cho Công ty theo thỏa thuận của các bên. Do đó, tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty không còn bất kỳ khoản phải thu nào phát sinh từ giao dịch nêu trên.

(***) Khoản tiền đặt cọc cho ông Đặng Tất Thành phát sinh theo Hợp đồng đặt cọc ngày 15/05/2025 và Phụ lục số 02 ngày 01/07/2025 nhằm bảo đảm việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với khu đất tại phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trấn Biên, Thành phố Đồng Nai).

Khoản đặt cọc này được thực hiện bởi Công ty Cổ phần ANI Biên Hòa (công ty con của Công ty) nhằm phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Khu chung cư Bửu Long. Dự án có quy mô diện tích khoảng 5,8 ha, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 3.000 tỷ đồng. Ngày 10/05/2026, Công ty Cổ phần ANI Biên Hòa đã thực hiện đăng ký dự án nhà ở thương mại theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản tiền đặt cọc nêu trên vẫn đang được các bên thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết và không phát sinh tranh chấp liên quan.

12.2. Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: Số liệu về các khoản phải thu quá hạn của Công ty được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Hợp nhất tại thời điểm 31/03/2026, phản ánh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán 31/03/2026.

Bảng 15: Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: đồng

Đối tượng phải thu	Nội dung khoản phải thu	Giá trị phải thu	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân quá hạn	Đánh giá khả năng thu hồi
Phải thu ngắn hạn khó đòi: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng						
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	Phải thu khách hàng	1.169.682.233	1.169.682.233	Quá hạn thanh toán	Đối tác gặp khó khăn về tài chính, chưa thu xếp được nguồn thanh toán	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	Phải thu ngắn hạn khác	4.315.750.622	4.315.750.622	Quá hạn thanh toán	Đối tác chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Các đối tượng khác	Phải thu khách hàng	615.405.008	615.405.008	Quá hạn thanh toán	Công nợ phát sinh từ các năm trước	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Các đối tượng khác	Phải thu ngắn hạn khác	1.344.000	1.344.000	Quá hạn thanh toán	Giá trị nhỏ, tồn đọng qua nhiều kỳ kế toán	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Tổng cộng		**6.102.181.863**	**6.102.181.863**			
Phải thu ngắn hạn khó đòi: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất						
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	Phải thu khách hàng	1.169.682.233	1.169.682.233	Quá hạn thanh toán	Đối tác gặp khó khăn về tài chính, chưa thu xếp được nguồn thanh toán	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	Phải thu ngắn hạn khác	4.315.750.622	4.315.750.622	Quá hạn thanh toán	Đối tác chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%

Các đối tượng khác	Phải thu khách hàng	615.405.008	615.405.008	Quá hạn thanh toán	Công nợ phát sinh từ các năm trước	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Các đối tượng khác	Phải thu ngắn hạn khác	1.344.000	1.344.000	Quá hạn thanh toán	Giá trị nhỏ, tồn đọng qua nhiều kỳ kế toán	Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập 100%
Xử lý công nợ khó đòi trong năm		(3.453.239.971)	(3.453.239.971)			Xử lý các khoản công nợ
Tổng cộng		**2.648.942.892**	**2.648.942.892**			

Nguồn: Báo cáo tình hình tài chính riêng và hợp nhất tại thời điểm 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

12.2.1 Các khoản phải trả ngắn hạn:

a. Phải trả người bán ngắn hạn:

Bảng 16: Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải trả người bán ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Công ty CP Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh	719.946.000	719.946.000	719.946.000
Công ty CP Xây dựng Phước Thành	1.700.000.000	0	0
Ban quản trị nhà chung cư Osimi Gò Vấp	0	690.634.036	0
Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản và Dịch vụ HODECO	896.496.907	0	0
Các đối tượng khác	3.683.378.455	2.548.964.279	3.244.896.776
Tổng	**6.999.821.362**	**3.959.544.315**	**3.964.842.776**
Phải trả người bán ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co.,Ltd	13.849.110.999	14.301.295.777	14.290.452.015
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đam B'ri	0	42.544.000.000	42.544.000.000
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	0	5.149.954.338	0
Công ty CP Ehula	0	3.510.000.000	0
Các đối tượng khác	10.198.544.076	6.556.614.338	11.858.582.530
Tổng	**24.047.655.075**	**72.061.864.453**	**68.693.034.545**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng 17: Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Công ty TNHH XD TM Thanh Sơn Phát	500.000.000	0	0
Công ty cổ phần xây dựng S55	0	0	94.500.000.000
Các đối tượng khác	205.017.354	160.378.865	215.473.485
Tổng	**705.017.354**	**160.378.865**	**94.715.473.485**

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

c. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước:

Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế với nhà nước tại thời điểm 31/03/2026. Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về thuế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước. Số liệu chi tiết về tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước từ năm 2024 đến nay được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 18: Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Thuế thu nhập cá nhân	21.903.898	2.987.998	5.897.131
Các loại thuế, khoản phải nộp khá	1.239.348.325	1.239.348.325	1.239.348.325
Tổng	**1.261.252.223**	**1.242.336.323**	**1.245.245.456**
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Thuế giá trị gia tăng	639.380.414	6.993.275.417	2.638.738.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	501.146.405	9.421.809.287	1.969.040.035
Thuế thu nhập cá nhân	23.028.898	9.862.998	5.897.131
Thuế tài nguyên	2.237.869.857	6.113.650.785	2.342.781.338
Các loại thuế khác	1.239.348.325	1.239.348.325	1.239.348.325
Tổng	**4.640.773.899**	**23.777.946.812**	**8.195.805.755**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

d. Phải trả người lao động:

Bảng 19: Phải trả người lao động

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Khoản phải trả người lao động	905.431.371	0	0
Tổng	**905.431.371**	**0**	**0**

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

e. Chi phí phải trả ngắn hạn:

Bảng 19: Chi phí phải trả ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Chi phí phải trả ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Chi phí Dự án Sông Đà Riverside	3.550.859.650	3.550.859.650	3.550.859.650
Chi phí Dự án Osimi Phú Mỹ	1.582.250.071	1.582.250.071	1.582.250.071
Chi phí Dự án Khu du lịch Ba Giọt	2.875.091.611	2.051.520.605	1.708.270.753
Trích chi phí quản lý, vận hành Công ty	0	404.530.000	844.824.099
Thù lao Hội đồng Quản trị	288.000.000	306.000.000	360.000.000
Trích trước lãi tiền nhận trước của khách hàng	92.410.163	84.170.870	0
Trích trước lãi vay	39.970.896.636	62.210.896.171	28.277.581.833
Các khoản trích trước khác	65.000.000	195.000.000	0
Tổng	**48.424.508.131**	**70.385.227.367**	**36.323.786.406**
Chi phí phải trả ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Trích trước chi phí đầu tư Nhà máy Thủy điện Phú Tân 2	75.452.369.706	58.188.097.681	56.878.132.681
Chi phí đền bù, GPMB	69.266.045.757	56.084.930.378	54.774.965.378
Chi phí xây dựng	0	0	0
Chi phí thiết bị	3.250.981.155	0	0
Chi phí lãi vay (Công ty CP Xây dựng S55)	0	0	0
Chi phí khác	2.935.342.794	2.103.167.303	2.103.167.303
Chi phí Dự án Sông Đà Riverside	3.550.859.650	3.550.859.650	3.550.859.650
Chi phí Dự án Osimi Phú Mỹ	1.582.250.071	1.582.250.071	1.582.250.071
Chi phí Dự án Khu du lịch Ba Giọt	2.875.091.611	2.051.520.605	2.051.520.605
Thù lao Hội đồng Quản trị	288.000.000	306.000.000	360.000.000
Trích trước lãi tiền nhận trước của khách hàng	92.410.163	84.170.870	0

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Trích trước lãi vay	42.733.015.360	68.507.423.478	34.613.097.502
Các khoản trích trước khác	206.081.960	5.941.455.612	4.459.287.157
Tổng	**126.780.078.521**	**140.211.777.967**	**103.151.897.814**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

f. Phải trả ngắn hạn khác:

Bảng 20: Phải trả ngắn hạn khác (bao gồm cả khoản phải trả cổ tức)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải trả ngắn hạn khác: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Dự án IDC Tower Gò Vấp	105.708.419	31.980.852	31.980.852
Tiền góp vốn của khách hàng Dự án Sông Đà Riverside	188.534.004	187.534.000	187.534.000
Dự án Osimi Phú Mỹ	1.698.490.522	1.447.111.650	1.447.111.650
Lệ phí làm sổ đỏ Dự án Hiệp Bình Chánh	270.681.200	270.681.200	270.681.200
Phải trả về góp vốn (*)	239.992.640.000	0	0
Phải trả cổ tức, lợi nhuận (**)	424.616.000	650.167.000	650.167.000
Lãi vay phải trả	580.832.877	7.734.121.091	13.006.421.031
Phải trả Công ty cổ phần Ani Power	0	0	117.822.037.818
Phải trả Công ty Cổ Phần Thủy Điện Sông Ông	0	0	9.140.000.000
Phải trả khác	2.077.861.433	1.433.109.330	1.466.989.028
Tổng	**245.339.364.455**	**11.754.705.123**	**144.022.922.579**
Phải trả ngắn hạn khác: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Kinh phí công đoàn	1.380.000	1.380.000	0
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	0	79.389.062	0
Phí bảo vệ môi trường rừng	4.337.672.724	6.408.456.588	1.807.779.492
Dự án IDC Tower Gò Vấp	105.708.419	31.980.852	31.980.852
Tiền góp vốn của khách hàng Dự án Sông Đà Riverside	188.534.004	187.534.000	187.534.000
Dự án Osimi Phú Mỹ	1.698.490.522	1.447.111.650	1.447.111.650
Lệ phí làm sổ đỏ Dự án Hiệp Bình Chánh	270.681.200	270.681.200	270.681.200
Lãi vay phải trả	580.832.877	4.551.951.872	15.132.996.373

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải trả cổ tức, lợi nhuận (**)	525.416.000	1.024.567.000	1.038.967.000
Phải trả về góp vốn	239.992.640.000	0	0
Phải trả khác	2.738.059.070	2.838.641.355	2.298.171.949
Tổng	**250.439.414.816**	**16.841.693.579**	**22.215.222.516**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

(*) Khoản tiền phải trả về mua cổ phiếu phát hành mới theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2024 với số lượng cổ phiếu phát hành là 23.999.264 cổ phiếu, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2025 đã thông qua việc hủy bỏ phương án tăng vốn điều lệ của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2024 và hoàn trả toàn bộ tiền nhận góp vốn nêu trên cho cổ đông. Đến ngày 31/12/2025, Công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vốn góp nêu trên cho các cổ đông

(**) Khoản phải trả cổ tức theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026, trên báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài hợp nhất được thể hiện riêng trên chỉ tiêu "phải trả cổ tức, lợi nhuận".Đây là khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh các năm 2024 và 2025.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, một số cổ đông vẫn chưa thực hiện thủ tục nhận cổ tức theo thông báo của Công ty. Công ty đã thực hiện việc công bố và thông báo chi trả cổ tức theo quy định; tuy nhiên, một số cổ đông chưa liên hệ để nhận cổ tức và Công ty cũng chưa thể liên hệ được với các cổ đông này theo thông tin cổ đông hiện có.

Do đó, số tiền cổ tức chưa được nhận vẫn đang được Công ty theo dõi trên sổ sách kế toán tại khoản mục phải trả cổ đông và sẽ được thanh toán khi các cổ đông thực hiện các thủ tục nhận cổ tức theo quy định.

g. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Bảng 21: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Trường Sơn	67.734.333.189	176.398.201.888	176.389.659.687
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Gia Lai	0	207.998.378.619	207.998.516.119
Ông Đặng Quang Đạt	153.633.068.215	64.498.756.564	17.786.865.772
Bà Đinh Thị Thanh Bình	27.375.211.022	72.180.081.822	0

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Công ty CP Xây dựng S55	18.000.000.000	0	0
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	10.000.000.000	0	0
Công ty CP Sông Đà 505	0	50.050.000.000	0
Công ty CP Đầu tư Anzen	0	12.950.000.000	7.779.533.561
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	4.310.000.000	4.310.000.000
Tổng	**276.742.612.426**	**588.385.418.893**	**414.264.575.139**
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
1. Vay ngắn hạn	**275.575.834.442**	**618.837.418.893**	**446.522.322.370**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Trường Sơn	67.734.333.189	176.398.201.888	176.389.659.687
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	0	207.998.378.619	207.998.516.119
Ông Đặng Quang Đạt	153.633.068.215	64.498.756.564	18.186.865.772
Bà Đinh Thị Thanh Bình	35.875.211.022	72.180.081.822	0
Công ty CP Xây dựng S55	18.000.000.000	0	0
Công ty CP Sông Đà 505	0	72.050.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH MTV Ani SH	333.222.016	0	0
Công ty CP Đầu tư Anzen	0	12.950.000.000	7.779.533.561
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đam B'ri	0	12.762.000.000	14.167.747.231
2. Vay dài hạn đến hạn trả:	**66.728.000.000**	**133.828.000.000**	**296.791.376.637**
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	47.100.000.000	113.200.000.000	113.700.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đăk Lăk	5.528.000.000	5.528.000.000	5.528.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	14.100.000.000	15.100.000.000	177.563.376.637
Tổng	**342.303.834.442**	**752.665.418.893**	**743.313.699.007**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

12.2.2 Các khoản phải trả dài hạn:

a. Khoản phải trả dài hạn khác:

Bảng 22: Các khoản phải trả dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Khoản phải trả dài hạn khác: Số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính riêng			
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	732.415.039	699.884.269	749.884.269
Tổng	**732.415.039**	**699.884.269**	**749.884.269**
Khoản phải trả dài hạn khác: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	732.415.039	699.884.269	749.884.269
Tổng	**732.415.039**	**699.884.269**	**749.884.269**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Bảng 23: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng			
Công ty CP Anza	128.557.165.362	0	0
Vay cổ đông	0	237.749.060.000	237.749.060.000
+ Công ty CP Anza	0	180.575.930.000	
+ Ông Đặng Quang Đạt			180.575.930.000
+ Bà Nguyễn Thị Minh Thu	0	15.839.900.000	15.839.900.000
+ Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê	0	15.390.300.000	0
+ Ông Bùi Văn Hùng	0	0	15.390.300.000
+ Công ty TNHH MTV MYA	0	12.810.940.000	0
+ Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	0	0	12.810.940.000
+ Cổ đông khác	0	13.131.990.000	13.131.990.000
Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Đồng Nai	0	211.125.000.000	211.125.000.000
Ông Đặng Tất Thành	0	463.730.000.000	321.230.000.000
Tổng	**128.557.165.362**	**912.604.060.000**	**770.104.060.000**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn (1)	1.729.099.395.133	1.735.280.395.133	1.872.847.945.133

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đăk Lăk (2)	10.009.658.926	4.481.658.926	3.099.658.926
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (3)	255.900.000.000	240.800.000.000	232.800.000.000
Công ty CP Anza (4)	128.557.165.362	0	0
Vay cổ đông (5)	0	237.749.060.000	237.749.060.000
Ông Đặng Tất Thành (6)	0	463.730.000.000	321.230.000.000
Tổng	**2.123.566.219.421**	**2.682.041.114.059**	**2.667.726.664.059**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty cổ phần ANI

(1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 017/2202/0118/DADT ngày 15/04/2022 và Phụ lục hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 5 ngày 15/04/2024. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy Điện Phú Tân 2 công suất 93MW. Thời hạn vay: 15 năm (180 tháng) kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định là 7,4%/năm áp dụng với toàn bộ dư nợ vay của Hợp đồng Cấp tín dụng số 017/22/02/0118 ký ngày 15/4/2022, kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 23/06/2024; lãi suất bằng lãi suất cơ sở + 2,6%/năm, kể từ ngày 24/6/2024 đến hết ngày 23/06/2027; lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất cơ sở + 2,7%/năm, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư; Quyền phát sinh từ dự án; Bất động sản và/(hoặc) tiền gửi tối thiểu 20 tỷ, Cổ phần của cổ đông Công ty Ani Power tối thiểu 65%; Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Ani tại Công ty TNHH TMDV Phú Vinh, Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường, tối thiểu 30 tỷ đồng.

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 017/22/02/0118/DAĐT2 ngày 27/06/2024, mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Phú Tân 2 và cho vay bù đắp tài chính đối với các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án. Thời hạn vay: 13 năm (156 tháng) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay nhưng không quá ngày 24/06/2037. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư; Quyền phát sinh từ dự án; Bất động sản và/(hoặc) tiền gửi tối thiểu 20 tỷ, Cổ phần của cổ đông Công ty Ani Power tối thiểu 65%; Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Ani tại Công ty TNHH TMDV Phú Vinh, Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường, tối thiểu 30 tỷ đồng.

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/25/02/0030/TDH ngày 25/04/2025 với tổng số tiền tối đa cho vay là 160 tỷ đồng, mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín

dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Đam B'ri 1 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đambri 1 và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đam B'ri. Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản, quyền tài sản liên quan đến Nhà máy Thủy điện Đam B'ri 1 và các tài sản khác được quy định chi tiết tại Hợp đồng cho vay.

- Hợp đồng cho vay số 017/22/02/0305 ngày 26/09/2022. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích cho vay: Cho vay trả nợ gốc cho Công ty Cổ phần Sông Đà 505 theo hợp đồng cho vay tiền ngày 30/08/2022 liên quan đến phương án đầu tư nhà máy Thủy điện Sông Ông (công suất 8,1KW) tại địa điểm thôn La Vang, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn La Vang, Xã Ninh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa). Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Ngoại thương theo từng giai đoạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là Quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất là Nhà máy Thủy điện Sông Ông; Thế chấp tài sản là toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị thuộc Nhà máy thủy điện Sông Ông.

(2) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đăk Lăk theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 20.40.0007/2020-HĐCVDADT/NHCT502-PHUVINH ngày 02/06/2020. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án điện mặt trời trên mái nhà công suất 991 kwp tại xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,5%/năm, riêng đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng áp dụng mức lãi suất 10%/năm trong vòng 3 năm, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị và lợi ích hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 20.75.0076/2020-HĐCVDADT/NHCT502-PHUVINH ngày 30/10/2020. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án điện mặt trời trên mái nhà công suất 999,58 kwp tại xã Định Quán, Tỉnh Đồng Nai. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,5%/năm, riêng đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng áp dụng mức lãi suất 7,5%/năm trong vòng 12 tháng, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị và lợi ích hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 20.75.0072/2020-HĐCVDADT/NHCT502-PHUCUONG ngày 30/10/2020. Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí liên quan đến đầu tư thực hiện Dự án điện mặt trời trên mái nhà công suất 999,58 kWp tại xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,5%/năm, riêng đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng áp dụng mức lãi suất 7,5%/năm trong vòng 12 tháng, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 20.75.0073/2020-HĐCVDADT/NHCT502-

PHUCUONG ngày 30/10/2020. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án điện mặt trời trên mái nhà công suất 999,58 kWp tại xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,5%/năm, riêng đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng áp dụng mức lãi suất 7,5%/năm trong vòng 12 tháng, lãi suất quá hạn: 150%. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản và máy móc thiết bị.

(3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/10245594/HĐTD ngày 25/11/2024. Mục đích vay: Nhận chuyển nhượng Dự án Nhà máy Thủy điện Pleikeo theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/2024/HĐCN/ANP-TRANGDUC ký ngay 17/07/2024 giữa Công ty CP Ani Power và Công ty TNHH MTV Trang Đức. Thời hạn vay: 14 năm (168 tháng) kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là 6%/năm, cố định trong 2 năm đầu kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên của dự án; sau thời gian ưu đãi, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 06 tháng/1 lần vào ngày 01/01 và ngày 01/07 hàng năm , được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau của KHCN kỳ hạn 12 tháng do BIDV niêm yết tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,2%/năm. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án nhận chuyển nhượng công trình thủy điện Pleikeo của Công ty TNHH MTV Trang Đức.

(4) Vay vốn của Công ty CP Anza theo Hợp đồng vay số 0102/HĐKD-ANZA-ANI ngày 01/02/2023 với Công ty CP Anza, thời gian vay: 84 tháng. Mục đích vay là để Công ty triển khai thực hiện và đầu tư các dự án năng lượng hiệu quả. Lãi suất vay Công ty phải trả cho Công ty CP Anza là 9%/năm. Ngày 01/02/2024, 2 bên đã ký Phụ lục hợp đồng số 02/0102HĐKD-ANZA-ANI về việc điều chỉnh thời gian áp dụng lãi suất 9%/năm từ ngày 01/02/2024. Ngày 01/04/2025, Công ty tiếp tục ký Phụ lục số 03/0102 với Công ty CP Anza để điều chỉnh lãi suất áp dụng xuống còn 7,8%/năm áp dụng từ ngày 01/04/2025.

(5) Vay vốn của Cổ đông Công ty theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn vay từ thời điểm ký Hợp đồng đến khi bên cho vay có nhu cầu sử dụng vốn nhưng không được yêu cầu hoàn trả khoản vay trước ngày 31/12/2026. Các bên đã thống nhất điều chỉnh lãi suất lên 5,0%/năm và áp dụng kể từ năm 2026.

(6) Khoản vay này phát sinh theo Hợp đồng vay vốn số 160525/ANI/HĐCV ngày 16/05/2025 ký giữa Công ty và Ông Đặng Tất Thành. Theo Hợp đồng, thời hạn vay từ ngày 16/05/2025 đến hết ngày 31/05/2028, tổng giá trị khoản vay là 598.730.000.000 đồng.

Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay là 3,0%/năm.

Đến ngày 31/03/2026, dư nợ gốc của khoản vay còn lại là 321.230.000.000 đồng.

Khoản vay này không có tài sản bảo đảm và không được thế chấp bằng bất kỳ tài sản nào của Công ty hoặc bên thứ ba. Các bên đang thực hiện quyền và nghĩa vụ theo các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng vay vốn.

12.3.1 Cổ phiếu ưu đãi:

Bảng 24: Cổ phiếu ưu đãi

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

Đây là khoản cổ phần ưu đãi cổ tức do Công ty con (Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai) phát hành, tương ứng với 1.000.000 Cổ phần với Mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phần này được ưu đãi cổ tức với tỷ lệ cố định là 12%/năm trong vòng 5 năm *(từ năm 2024 đến năm 2028)*. Các năm tiếp theo tỷ lệ được điều chỉnh để đảm bảo tỷ suất sinh lời theo thỏa thuận giữa Công ty con và cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi.

Theo thỏa thuận cổ phần ưu đãi được Công ty con hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu

12.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

12.4.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Theo báo cáo tài chính riêng

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm năm 2025 so với năm 2024	Quý I/2026
1	Tổng tài sản	1.171.882.885.604	2.289.488.018.916	95,37%	2.345.070.235.708
2	Nợ phải trả	710.253.303.555	1.590.510.102.091	123,94%	1.466.646.912.766
3	Vốn chủ sở hữu	461.629.582.049	698.977.916.825	51,42%	878.423.322.942
4	Doanh thu thuần	25.340.644.965	6.437.309.611	-74,6%	1.577.129.956
5	Lợi nhuận trước thuế	87.804.738.992	261.347.598.776	197,65%	179.503.463.906
6	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	87.804.738.992	261.347.598.776	197,65%	179.445.406.117
7	Giá trị sổ sách	19.235	29.125	51,42%	36.602

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

Đến thời điểm 31/03/2026, quy mô tổng tài sản của Công ty mẹ tăng 55,5 tỷ đồng, tương đương 2,43 % so với thời điểm 31/12/2025, do công ty mở rộng hoạt động đầu tư vào công ty con.

Trong năm 2025, quy mô tài sản của Công ty mẹ tăng mạnh, tổng tài sản đạt 2.289,5 tỷ đồng, tăng 95,37% so với năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu phản ánh việc Công ty mở

rộng hoạt động đầu tư tài chính, gia tăng các khoản cho vay và bố trí vốn vào các đơn vị liên quan, thay vì đến từ tăng trưởng doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.

Cùng với đó, nợ phải trả tăng 123,94%, cao hơn tốc độ tăng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, cho thấy Công ty mẹ đã tăng cường sử dụng nguồn vốn vay và huy động từ các tổ chức, cá nhân để phục vụ hoạt động đầu tư và điều hành vốn trong năm. Điều này phản ánh vai trò của Công ty mẹ là trung tâm huy động và phân bổ vốn trong hệ thống, tuy nhiên cũng làm gia tăng áp lực về chi phí tài chính và yêu cầu quản trị rủi ro tài chính trong các kỳ tiếp theo.

Vốn chủ sở hữu năm 2025 đạt 699,0 tỷ đồng, tăng 51,42% so với năm trước, chủ yếu nhờ kết quả lợi nhuận tích lũy tích cực. Mức tăng này cho thấy năng lực tài chính của Công ty mẹ tiếp tục được củng cố, tuy nhiên xét về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả vẫn tăng nhanh hơn vốn chủ sở hữu, do đó Công ty cần tiếp tục kiểm soát hợp lý đòn bẩy tài chính.

Đáng chú ý, doanh thu thuần của Công ty mẹ giảm mạnh 74,6% trong năm 2025, trong khi lợi nhuận trước thuế lại tăng 197,65%. Biến động này cho thấy lợi nhuận của Công ty mẹ trong kỳ không đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, mà chủ yếu phát sinh từ hoạt động tài chính, bao gồm cổ tức, lãi tiền gửi, lãi cho vay và thu nhập từ các khoản đầu tư. Do đó, mức tăng trưởng lợi nhuận mang tính đặc thù theo cơ cấu doanh thu trong kỳ và chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả của hoạt động kinh doanh cốt lõi.

12.4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Theo báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm năm 2025 so với năm 2024	Quý I/2026
1	Tổng tài sản	3.603.290.418.899	4.662.643.602.651	29,40%	4.672.104.510.507
2	Nợ phải trả	2.886.214.721.868	3.702.975.109.408	28,30%	3.722.795.919.547
3	Vốn chủ sở hữu	717.075.697.031	959.668.493.243	33,83%	949.308.590.960
4	Doanh thu thuần	545.479.964.628	663.001.351.551	21,54%	93.080.353.849
5	Lợi nhuận trước thuế	206.924.350.547	243.108.108.478	17,49%	(7.453.315.519)
6	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	204.970.271.154	238.926.842.390	16,57%	(10.025.930.466)
7	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	32.139.262.855	59.855.451.109	86,24%	62.468.926.514
8	Giá trị sổ sách	28.540	37.493	31,37%	36.953

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

Trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, quy mô tổng tài sản của Công ty năm 2025 đạt 4.662,6 tỷ đồng, tăng 29,4% so với năm 2024; nợ phải trả tăng 28,3% lên 3.703,0 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu tăng 33,83% lên 959,7 tỷ đồng. Việc vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn nợ phải trả cho thấy nền tảng vốn của Công ty tiếp tục được cải thiện, đồng thời lợi nhuận giữ lại trong năm đã góp phần nâng cao năng lực tài chính.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn, phản ánh việc Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ cho hoạt động đầu tư và mở rộng quy mô. Trong bối cảnh này, việc kiểm soát chi phí lãi vay và duy trì khả năng thanh toán là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Doanh thu thuần năm 2025 đạt 663,0 tỷ đồng, tăng 21,54% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 243,1 tỷ đồng, tăng 17,49%; lợi nhuận sau thuế đạt 238,9 tỷ đồng, tăng 16,57%. Kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh hợp nhất tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng doanh thu cho thấy biên lợi nhuận có xu hướng thu hẹp nhẹ, phản ánh áp lực từ chi phí tài chính, chi phí vận hành hoặc sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần tăng từ 28.540 đồng/cổ phần năm 2024 lên 37.493 đồng/cổ phần năm 2025, tương ứng tăng 31,37%. Điều này phản ánh sự gia tăng giá trị nội tại của doanh nghiệp, đồng thời cho thấy hiệu quả tích lũy lợi nhuận và sự cải thiện năng lực tài chính của Công ty trong giai đoạn vừa qua.

Các khoản đầu tư tài chính: Số liệu về Các khoản đầu tư tài chính Công ty được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, phản ánh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Trong đó:

12.4.2 Đầu tư tài chính

Bảng 27: Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
A	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**			
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	160.010.000.000	198.764.109.589	130.360.000.000
B	**Đầu tư tài chính dài hạn**			
I	**Đầu tư vào công ty con**	**763.156.610.780**	**1.861.144.103.931**	**1.909.067.103.931**
1	Công ty CP ANI POWER	718.560.000.000	718.560.000.000	718.560.000.000
2	Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	3.150.000.000	3.150.000.000	0
3	Công ty CP ANI Biên Hòa	0	598.800.000.000	598.800.000.000
4	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Vinh	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Phú Cường	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
6	Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	15.517.110.780	271.767.603.931	322.840.603.931
7	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	929.500.000	929.500.000	929.500.000
8	Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1	0	32.340.000.000	32.340.000.000

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
9	Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	0	36.500.000.000	36.500.000.000
10	Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	174.097.000.000	174.097.000.000
II	**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**	**0**	**1.200.000.000**	**1.200.000.000**
1	Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	0	1.200.000.000	1.200.000.000
III	**Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**	**(3.510.185.649)**	**(6.162.116.883)**	**(3.012.116.883)**
1	Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	(3.150.000.000)	(3.150.000.000)	0
2	Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	0	(613.619.550)	(613.619.550)
3	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	(360.185.649)	(929.500.000)	(929.500.000)
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	0	(1.236.976.787)	(1.236.976.787)
5	Công ty CP Thủy điện Đam Bri 1	0	(232.020.546)	(232.020.546)
IV	**TỔNG CỘNG (I+II+III)**	**759.646.425.131**	**1.857.381.987.048**	**1.907.254.987.048**

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

13. Tài sản cố định: Số liệu Tài sản cố định của Công ty được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 đã được kiểm toán, phản ánh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị TSCĐ chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/03/2026:

Bảng 28: Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại so với nguyên giá
I	**TSCĐ hữu hình**	**3.064.295.687.744**	**2.616.696.791.013**	**85,39%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.761.881.080.239	1.580.272.523.224	89,69%
2	Máy móc thiết bị	1.220.307.189.991	967.751.713.553	79,3%
3	Phương tiện vận tải	79.436.965.180	66.650.880.242	83,9%
4	TSCĐ dùng trong quản lý	496.690.000	96.886.223	19,51%
5	TSCĐ hữu hình khác	2.173.762.331	1.924.787.771	88,55%
II	**TSCĐ vô hình**	**18.891.667.980**	**18.578.713.580**	**98,34%**
1	TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất (a)	6.354.707.493	6.029.241.980	94,88%

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại so với nguyên giá
2	Giấy phép hoạt động và quyền nhượng (b)	12.862.426.000	12.549.471.600	97,57%
III	**Bất động sản đầu tư**	**97.368.425.829**	**75.287.968.655**	
1	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (c)	22.446.293.664	13.119.532.870	58,45%
2	Cơ sở hạ tầng (d)	74.922.132.165	62.168.435.785	82,98%

Nguồn: Báo cáo tình hình tài chính Hợp nhất tại thời điểm 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

(a) Các quyền sử dụng đất gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với diện tích tầng hầm chung cư Osimi Tower địa chỉ tại hẻm 688/57 Đường Lê Đức Thọ, phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chi Minh với nguyên giá là 3.643.754.735 đồng.
- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với diện tích tầng hầm B1 và diện tích văn phòng Công ty tại tầng 3 chung cư Sông Đà Tower địa chỉ tại 14B Kỳ Đồng, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá lần lượt là 494.397.687 đồng và 201.091.710 đồng.
- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với diện tích Tầng hầm để xe, căn thương mại và diện tích giải trí tại tầng 2 thuộc chung cư Osimi Phú Mỹ địa chỉ tại phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh (với nguyên giá lần lượt là 1.689.997.848 đồng, 119.525.796 đồng và 205.939.717 đồng.

(b) Là Quyền khai thác Nhà máy Thủy điện Đam B'ri 1 theo Hợp đồng chuyển nhượng Dự án số 01/2025/HĐCN/DAMBRI 1 ngày 03/03/2025 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện ĐamBri 1 (Công ty con) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đam B'ri với giá trị nhận chuyển nhượng là 12.862.426.000 đồng. Quyền khai thác này được khấu hao theo thời gian còn lại của Dự án là 35 năm. Quyền khai thác này cũng đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

(c) Là cơ sở hạ tầng và quyền sử dụng đất là diện tích đang cho thuê tại địa chỉ 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh và hẻm 688/57 Đường Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá lần lượt là 20.965.849.762 đồng và 1.480.443.902 đồng. Tài sản tại địa chỉ 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(d)Là toàn bộ tài sản cố định của Dự án khu sinh thái Ba Giọt tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai) đang sử dụng để cho thuê với thời hạn cho thuê là 5 năm với tổng nguyên giá là 74.922.132.165 đồng.

14. Các dự án của Công ty

Công ty cổ phần ANI định hướng trở thành công ty đầu tư, trong đó tập trung các nguồn lực đối với các Dự án thuộc lĩnh vực cốt lõi; Đảm bảo triển khai đúng tiến độ các dự án và kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty để luôn bảo đảm hiệu quả đầu tư tối đa của cổ đông công ty, xây dựng thương hiệu mới bằng uy tín với các đối tác cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng.

Công ty định hướng xây dựng mô hình phát triển bền vững, nhằm tối đa hóa giá trị cho cổ đông, đồng thời bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, đối tác, người lao động và cộng đồng xã hội, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao trách nhiệm doanh nghiệp. Danh sách các dự án đã thực hiện như sau:

Bảng 28: Các dự án của Công ty

Stt	Tên dự án	Địa chỉ	Quy mô	Thời gian	Tiến độ/ thực trạng
1	Thủy điện Phú Tân 2	Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	93MW	Vận hành thương mại từ năm 2023	Đã hoàn thành
2	Dự án điện mặt trời áp mái của Công ty TNHH TMDV Phú Vinh	Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	1MW	Vận hành thương mại từ năm 2020	Đã hoàn thành
3	Dự án điện mặt trời áp mái của Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường	Xã Phú Cường, Tỉnh Đồng Nai	1MW	Vận hành thương mại từ năm 2020	Đã hoàn thành
4	Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt	Xã Phú Vinh, Tỉnh Đồng Nai	2,7ha	Khai thác từ Quý III/2023	Đã hoàn thành
5	Chung cư Phú Mỹ	Phường Phú Mỹ, TP.HCM	642 căn hộ và 18 căn thương mại	Hoàn tất công tác bàn giao vào năm 2023	Đã hoàn thành
6	Chung cư Osimi Tower	Phường An Hội Đông, TP.HCM	384 căn hộ và 18 căn thương mại	Hoàn tất công tác bàn giao vào năm 2020	Đã hoàn thành
7	Văn phòng làm việc và căn hộ cao cấp Sông Đà	Phường Nhiêu Lộc, TP.HCM	40 căn hộ và 4 tầng thương mại	Đưa vào sử dụng năm 2010	Đã hoàn thành
8	Khu dân cư Hiệp Bình Chánh	Phường Hiệp Bình Chánh, TP.HCM	239 nền đất	Đưa vào sử dụng năm 2003	Đã hoàn thành
9	Thủy điện Phú Tân 1	Xã Thanh Sơn, Tỉnh Đồng Nai	45MW	Dự kiến thời gian triển khai xây dựng dự án 2025-2028	Đã được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư vào cuối tháng 12/2024

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2026 và kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ

15.1 Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2026

Bảng 29: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2026

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026		% tăng giảm so với năm 2025	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Doanh thu thuần	Triệu đồng	6,43	662.552	204.607	852.977	3.181.968	28,74

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026		% tăng giảm so với năm 2025	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	261.347	238.926	196.940	220.267	(24,64)	(7,81)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	100	36,04	47,09	24,48	-	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	37,39	24,09	22,9	19,26	-	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15	-	5	-	-	-

Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 của Công ty được xây dựng trên cơ sở các nguồn thu hiện hữu và dự kiến, bao gồm: (i) hoạt động ổn định của các nhà máy thủy điện đang vận hành, tạo dòng tiền thường xuyên; (ii) hoạt động kinh doanh thương mại và xây lắp; và (iii) các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty và các đơn vị thành viên.

Trong giai đoạn 2024 – 2026, Công ty duy trì xu hướng mở rộng quy mô hoạt động. Trên cơ sở hợp nhất, doanh thu thuần năm 2024 đạt 545.479 triệu đồng, tăng lên 663.001 triệu đồng trong năm 2025 và kế hoạch năm 2026 đạt 899.826 triệu đồng, tương ứng mức tăng trưởng 35,72%. Mức tăng này phản ánh kỳ vọng tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh các nhà máy thủy điện tiếp tục vận hành ổn định và các dự án bất động sản từng bước được triển khai và ghi nhận doanh thu.

Đối với Công ty mẹ, doanh thu thuần năm 2025 ở mức rất thấp, chủ yếu do Công ty không ghi nhận đáng kể doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà tập trung vào hoạt động đầu tư và thu nhập tài chính. Sang năm 2026, doanh thu Công ty mẹ dự kiến đạt 204.607 triệu đồng, tăng đột biến so với năm 2025. Mức tăng này không phản ánh xu hướng tăng trưởng thông thường mà chủ yếu xuất phát từ sự thay đổi trong định hướng hoạt động, theo đó Công ty mẹ dự kiến đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại (cung cấp sắt, thép, xi măng, vữa bê tông, xây lắp cho dự án Thủy điện Phú Tân 1) và cơ cấu lại nguồn thu theo hướng giảm phụ thuộc vào thu nhập tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHCĐ ngày 11/04/2026 đã được thông qua. Do đó, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu của Công ty mẹ không có ý nghĩa so sánh theo thông lệ mà phản ánh sự chuyển dịch về mô hình hoạt động trong kỳ kế hoạch.

Mặc dù doanh thu tăng trưởng, lợi nhuận sau thuế năm 2026 được xây dựng theo hướng thận trọng. Trên cơ sở hợp nhất, lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 220.267 triệu đồng, giảm 8,1% so với năm 2025; đối với Công ty mẹ, lợi nhuận dự kiến đạt 196.940 triệu đồng, giảm 24,64%. Biến động này cho thấy Công ty dự kiến sẽ đối mặt với áp lực gia tăng về chi phí, bao gồm chi phí tài chính, chi phí vận hành và chi phí triển khai các dự án trong

giai đoạn mở rộng hoạt động.

Các chỉ tiêu hiệu quả cũng phản ánh xu hướng này. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần hợp nhất giảm từ 36,04% xuống còn 24,48%, trong khi tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm từ 24,09% xuống 19,26%. Điều này cho thấy biên lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn có xu hướng giảm trong ngắn hạn, chủ yếu do sự gia tăng chi phí và sự thay đổi cơ cấu doanh thu theo hướng mở rộng quy mô. Tuy nhiên, đây là xu hướng thường thấy trong giai đoạn doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư và phát triển, khi ưu tiên tăng trưởng doanh thu và củng cố nền tảng hoạt động thay vì tối đa hóa lợi nhuận ngắn hạn.

Về cơ cấu tài chính, Công ty tiếp tục duy trì ở mức phù hợp nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và cân đối nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh. Việc kiểm soát đòn bẩy tài chính và chi phí vốn được chú trọng nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình mở rộng quy mô.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền dự kiến, Công ty xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2026 ở mức hợp lý, với tỷ lệ chi trả 5%, thấp hơn mức 15% của năm 2025. Việc điều chỉnh này phản ánh định hướng giữ lại nguồn lực tài chính để phục vụ cho các kế hoạch đầu tư, mở rộng hoạt động và nâng cao năng lực tài chính trong giai đoạn tới, đồng thời đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích trước mắt của cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Nhìn chung, kế hoạch năm 2026 cho thấy Công ty đang trong giai đoạn chuyển dịch từ tối ưu hóa lợi nhuận ngắn hạn sang mở rộng quy mô hoạt động và đầu tư cho tăng trưởng dài hạn. Doanh thu dự kiến tăng trưởng mạnh, trong khi lợi nhuận được xây dựng theo hướng thận trọng nhằm phản ánh đầy đủ các yếu tố chi phí và rủi ro. Điều này tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chi phí và quản trị rủi ro tài chính. Do quý 1 tại công ty mẹ chưa thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại, xây lắp, nên doanh thu thuần quý 1 năm 2026 đạt thấp chỉ 1,57 tỷ đồng, doanh thu quý 1 năm 2026 trên báo cáo tài chính hợp nhất đạt 11% so với kế hoạch năm 2026, và tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2025. Lợi nhuận công ty mẹ đạt 179,44 tỷ đồng tăng 488% so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu là lợi nhuận từ hoạt động tài chính – cổ tức nhận được từ các công ty con, lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất lỗ 10,03 tỷ đồng giảm lỗ 41,65% so với cùng kỳ năm 2025

Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty: Không có

15.2 Kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Căn cứ nghị quyết 02/2026/NQ-ĐHCĐ ngày 11/04/2026 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với các nội dung chi tiết như sau:

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần ANI
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: ANI
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Loại tiền phát hành: Việt Nam đồng
- Vốn điều lệ hiện nay: 239.992.700.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 23.999.270 cổ phiếu. Trong đó:

  + Số lượng đang lưu hành: 23.999.264 cổ phiếu

  + Số lượng cổ phiếu quỹ: 6 cổ phiếu
- Số lượng dự kiến phát hành: 24.000.730 cổ phiếu
- Giá chào bán: 20.000 đồng/ cổ phiếu
- Cơ sở xác định giá chào bán: Giá chào bán cổ phiếu được xác định trên cơ sở giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, tương ứng là 29.125 đồng/cổ phiếu. Trên cơ sở đó, nhằm phù hợp với điều kiện thị trường và đảm bảo tính khả thi của đợt phát hành, Công ty dự kiến áp dụng mức chiết khấu hợp lý so với giá trị sổ sách. Theo đó, giá chào bán được xác định là 20.000 đồng/cổ phiếu (tương ứng mức chiết khấu khoảng 30% so với giá trị sổ sách), đã được làm tròn để thuận tiện cho giao dịch và thực hiện phát hành.
- Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 240.007.300.000 đồng
- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 480.014.600.000 đồng
- Phương thức phát hành: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chiến lược

+ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: tổ chức, cá nhân trong nước mong muốn trở thành nhà đầu tư chiến lược của ANI cần đáp ứng các điều kiện cụ thể như sau:

  - Đóng góp cho việc xác định Định hướng và Chiến lược phát triển công ty.
  - Giúp quảng bá, làm tăng uy tín và vị thế của công ty trên thị trường.
  - Giúp công ty mở rộng thị trường, kể cả về lĩnh vực khách hàng, dự án cũng như về lĩnh vực công nghệ.
  - Có tiềm lực tài chính, có nguyện vọng gắn bó lâu dài và nguyện vọng trở thành cổ đông của công ty.
  - Cam kết hợp tác lâu dài với Công ty.
- Mục đích phát hành: Việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ được thực hiện nhằm huy động thêm nguồn vốn để thanh toán, tất toán một phần hoặc toàn bộ các khoản vay hiện hữu của Công ty đối với các cá nhân và tổ chức. Việc này giúp Công ty giảm dư nợ vay, giảm chi phí lãi vay, cải thiện cơ cấu tài chính, nâng cao khả năng tự chủ về nguồn vốn và tạo nền tảng tài chính vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán (số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 1:1

Hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng ba (03) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh:

Trong giai đoạn tới, Công ty định hướng phát triển theo mô hình công ty đầu tư, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực cốt lõi là năng lượng và bất động sản.

Đối với lĩnh vực năng lượng, Công ty tập trung khai thác hiệu quả các dự án thủy điện hiện hữu nhằm đảm bảo nguồn thu và dòng tiền ổn định, đồng thời nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới phù hợp với điều kiện thị trường và năng lực của Công ty.

Đối với lĩnh vực bất động sản, Công ty tiếp tục triển khai các dự án đang có, đồng thời xem xét phát triển các dự án mới trên cơ sở phù hợp với nhu cầu thị trường và khả năng tài chính.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hoạt động, kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực nhằm cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty hướng tới xây dựng và duy trì uy tín với các đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Các định hướng phát triển nêu trên được xây dựng trên cơ sở đánh giá điều kiện thị trường và có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, Công ty phát triển theo hướng tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông trên cơ sở hài hòa với lợi ích của Nhà nước, đối tác, người lao động và cộng đồng, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần phát hành: Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Bảng 30: Danh sách hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/ Không điều hành
1	Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Ông Đặng Tất Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành chức vụ: Tổng Giám đốc
3	Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

1.1 Chủ tịch HĐQT

Bảng 31: Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	**BÙI VĂN HÙNG**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/07/1964
Nơi sinh:	Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam
CCCD:	049064028597
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	12 Giáp Hải, Phường Buôn Mê Thuột, tỉnh ĐăkLăk (Phường Tân Lợi, T.P Muôn Mê Thuột, tỉnh ĐăkLăk cũ)
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	02862905659

Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Thủy điện
Quá trình công tác:	
Từ năm 1987 - 1994:	- Kỹ sư Thiết kế công tác tại Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi - Thủy điện tỉnh Đăk Lăk; - Chủ nhiệm thiết kế các công trình: Hồ chứa nước Ea Quang, Hồ chứa nước Việt - Đức tỉnh Đăk Lăk; - Trưởng ban QLDA công trình thủy điện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk
Từ năm 1994 - 2007:	- Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Mê Kông Đăk Lăk; - Chủ nhiệm thiết kế các công trình thủy điện: Đăk N'Teng (Đăk Nông), Nhân Cơ (Đăk Nông) Sông Riềng (Quảng Ngãi), Ea Đrăng (Đăk Lăk); - Chỉ huy trưởng công trình thủy điện Krông Hin (Đăk Lăk)
Từ năm 2007 - 2016:	- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần điện Tam Long - Chủ đầu tư nhà máy Thủy điện Hòa Phú công suất 29 MW.
Từ năm 2016 - nay:	- Giám đốc Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần điện Tam Long - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ANI
Từ năm 2025 - nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ANI
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Giám đốc Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần điện Tam Long
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 17/03/2026):	0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của HĐQT
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng cố sổ phần của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 1.523.622 cổ phiếu - Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê Ông Bùi Văn Hùng sở hữu 60% cổ phần.	

1.2. Thành viên HĐQT

Bảng 32: Thành viên HĐQT

Họ và tên:	**ĐẶNG TẤT THÀNH**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1986
CCCD:	033086002262 Ngày cấp: 17/06/2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	Khu 6, Ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Quá trình công tác:	
- Từ tháng 01/2010 - 10/2012:	Cán bộ tín dụng - Viettinbank Chi nhánh Đống Đa – Hà Nội
- Từ tháng 10/2010 - 02/2013:	Phó Giám đốc tài chính - CTCP Vctel Việt Nam
- Từ tháng 02/2013 - 07/2016:	Giám đốc điều hành - CTCP Vctel Việt Nam
- Từ tháng 01/2016 - 07/2016:	Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần ANI
- Từ tháng 08/2016 đến nay :	- Tổng giám đốc - Công ty cổ phần ANI
- Từ tháng 10/2019 đến nay:	- Giám đốc Công ty TNHH TMDV Phú Vinh - Giám đốc Công ty TNHH TMDV đầu tư Phú Cường
- Từ tháng 09/2020 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt
- Từ tháng 07/2022 đến nay:	Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư năng lượng Đồng Nai
- Từ tháng 04/2024 đến nay:	- Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 505 - Giám đốc Công ty cổ phần EHULA
- Từ tháng 09/2024 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Thanh Sơn
- Từ tháng 11/2024 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thuỷ điện Đambri 1
- Từ tháng 03/2025 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Đầu tư IDS
- Từ tháng 05/2025 đến nay:	- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ANI Biên Hòa - Chủ tịch Công ty TMHH một thành viên ANI SH - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ANI
Chức vụ công tác hiện nay:	- Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ANI Biên Hòa - Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 505 - Giám đốc Công ty cổ phần EHULA - Chủ tịch Công ty TMHH một thành viên ANI SH

	- Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sơn Hải Lai Châu - Giám đốc Công ty TNHH TMDV Phú Vinh - Giám đốc Công ty TNHH TMDV đầu tư Phú Cường - Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư năng lượng Đồng Nai - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Thanh Sơn - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thuỷ điện Đambri 1 - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Đầu tư IDS
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 17/03/2026):	0 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của HĐQT và tiền lương, thưởng của Phó Tổng giám đốc theo quy chế tiền lương của Công ty
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 278.125 cổ phần, chiếm 1,159% tổng cổ số phiếu của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 278.125 cổ phiếu (chiếm 1,159%), cụ thể: Ông Đặng Quang Đạt - quan hệ: Cha.	

1.3. Thành viên HĐQT

Bảng 33: Thành viên HĐQT

Họ và tên:	**TRỊNH THỊ MỸ HẠNH**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	11/12/1981
Nơi sinh:	Tỉnh Phú Thọ
CCCD:	017181000280
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	CH 1.02 Lô B, CC 688/57/42, Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Tp Hồ Chí Minh (Phường 15, Quận Gò Vấp cũ)
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0977141414
Trình độ văn hóa:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác:	
- Từ 10/2004 - 05/2008:	Nhân viên kế toán tại Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- Từ 05/2008 - 06/2015:	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà
- Từ 03/2016 - 04/2018:	Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà, Giám đốc Công ty TNHH MTV MYA
- Từ tháng 5/2018 đến nay:	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần ANI, Giám đốc Công ty TNHH Năng lượng xanh Thiên Phú; Giám đốc Công ty TNHH MTV MYA.
Chức vụ công tác hiện nay:	- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ANI - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ANI
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Giám đốc Công ty TNHH MTV MYA - Giám đốc Công ty TNHH Năng lượng xanh Thiên Phú
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 17/03/2026):	0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao HĐQT và Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc theo quy chế tiền lương của Công ty
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng cổ số phần của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 1.268.267 cổ phiếu - Công ty TNHH MTV MYA - Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh sở hữu 100% vốn góp	

2. Ban kiểm soát:

Bảng 34: Danh sách Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thùy Dương	Trưởng ban
2	Ông Lại Thế Hiển	Thành viên
3	Ông Lê Đức Tâm	Thành viên

2.1 Trưởng ban Ban Kiểm soát

Bảng 35: Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	**NGUYỄN THÙY DƯƠNG**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14/07/1985
Nơi sinh:	Vĩnh Phúc
CMND:	070087005851
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	202 A16, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0979745699
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 10/2007 - 10/2016:	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Nihon Denkei Việt Nam
- Từ 8/2012 - 12/2016:	Phụ trách phòng kế toán tại Công ty TNHH Vietnam Investments Partner
- Từ 10/2016 đến nay:	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH TDMK
- Từ 10/2021 đến nay:	- Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Sông Đà 505 - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần ANI
- Từ 10/2022 đến nay:	Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Xây dựng S55
- Từ 06/2023 đến nay:	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV ANI SH
- Từ 03/2025 đến nay:	Kế toán trưởng tại Công ty CP DVĐT IDS
Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Kế toán trưởng tại Công ty TNHH TDMK - Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV ANI SH - Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Xây dựng S55 - Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Sông Đà 505 - Kế toán trưởng tại Công ty CP DVĐT IDS
Số CP nắm giữ (tại ngày 17/03/2026):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của BKS
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 46.370 cổ phần, chiếm 0,19% tổng cổ số phần của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 46.370 cổ phiếu (chiếm 0,193%), cụ thể: Ông Lê Tuấn Anh - mối quan hệ: Chồng	

2.2 Thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 36: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	**LẠI THẾ HIỂN**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/02/1987
Nơi sinh:	Bình Phước
CMND:	070087005851
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 173, Thôn Lộc Thái 3, xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại liên lạc:	0909699792
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ 10/2009 - 03/2012:	Trưởng ban kỹ thuật Công ty TNHH TMDV Cường Thịnh
Từ 05/2012 - 08/2016:	Nhân viên phòng Hành chính Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển Sông Đà (Nay là Công ty Cổ phần ANI)
Từ 08/2016 - đến nay :	- Phụ trách phòng Tổng hợp Công ty cổ phần ANI - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần ANI
Chức vụ công tác tại Công ty:	- Phụ trách phòng Tổng hợp - Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Giám đốc Công ty cổ phần Yeo Wang - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đam B'ri
Số CP nắm giữ (tại ngày 17/03/2026):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của BKS và tiền lương, thưởng theo Quy chế lương công ty
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng cổ số phiếu của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu	

2.3 Thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 37: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	**LÊ ĐỨC TÂM**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/11/1985
Nơi sinh:	Hà Tĩnh
CMND:	042058003522
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Khối Phố 3 – Phường Hà Huy Tập – TP. Hà Tĩnh – Hà Tĩnh
Số điện thoại liên lạc:	0988211156
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
- Từ 07/2007 - 09/2018:	Nhân viên tại Công ty cổ phần Sông Đà 505, Xã Iao - Huyện Iagrai, Tỉnh Gia Lai
- Từ 02/2019 đến nay:	- Nhân viên Phòng Tổng hợp tại Công ty cổ phần ANI - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần ANI
Chức vụ công tác tại Công ty:	- Nhân viên Phòng Tổng hợp - Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại ngày 17/03/2026):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của BKS và tiền lương, thưởng theo Quy chế lương công ty
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng cổ sổ phiếu của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu	

3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị: Không có

4. Ban giám đốc và người quản lý khác

Bảng 38: Ban giám đốc và người quản lý khác

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Tất Thành	Tổng giám đốc

2	Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kế toán trưởng

4.1 Sơ yếu lý lịch Tổng giám đốc: *(đã nêu tại mục 1.2. Thành viên HĐQT)*

4.2 Sơ yếu lý lịch Phó Tổng giám đốc: *(đã nêu tại mục 1.3. Thành viên HĐQT)*

4.3 Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng:

Bảng 39: Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

Họ và tên:	**NGUYỄN THỊ HẢI YẾN**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	03/06/1986
Nơi sinh:	Hà Nội
CCCD:	001186017260
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	31 Ngô Bệ, Phường Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại liên lạc:	0972768119
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 10/2009 - 03/2012:	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình
Từ 05/2012 - 08/2022:	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimec
Từ 09/2022 - 05/2024:	Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty cổ phần ANI
Từ 06/2024 - đến nay:	Kế toán Trưởng Công ty cổ phần ANI
Chức vụ công tác tại Công ty:	Kế toán Trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư GM
Số CP nắm giữ (tại ngày 17/03/2026):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Không
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng cổ số phần của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu	

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty: Không có

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

(Theo danh sách đính kèm)

7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định:

7.1 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

7.2 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

7.3 Các bên liên quan

7.3.1 Mối quan hệ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Anza	Công ty mẹ (là Công ty mẹ tối cao)
Ông Đặng Quang Đạt	Cổ đông lớn Công ty Cổ phần ANZA, cổ đông của Công ty, người có liên quan của thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Tất Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thanh Bình	Người có liên quan đến Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT
Công ty CP Sông Đà 505	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty CP Xây dựng S55	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty CP Đầu tư Anzen	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV ANI SH	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty CP Ehula	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Cùng Công ty mẹ tối cao, Công ty con (từ ngày 31/12/2025)
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	Công ty liên kết
Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê	Công ty liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV MYA	Công ty liên quan của Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	Công ty con
Công ty CP ANI POWER	Công ty con
Công ty TNHH TMDV Phú Vinh	Công ty con
Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP ANI Biên Hòa	Công ty con
Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1	Công ty con
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Thác Ba Giọt	Công ty con

7.3.2 Giao dịch các bên liên quan:

7.3.2.1Giao dịch các bên liên quan: Theo số liệu báo cáo tài chính riêng

Bảng 40: Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Quý I/2026	Năm 2025	Năm 2024
Ông Đặng Quang Đạt	Vay tiền	197.711.830.000	59.527.840.983	98.000.000.000
	Trả nợ vay	63.847.790.792	145.439.172.634	86.428.810.654
	Lãi vay phải trả	2.300.986.298	1.726.015.888	3.886.685.806
	Chi trả cổ tức	0	139.062.500	317.675.000
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	161.149.000	0
	Nhận tiền góp vốn	0	0	3.222.980.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	3.222.980.000	0
Bà Đinh Thị Thanh Bình	Vay tiền	0	177.733.466.536	173.679.989.366
	Trả nợ vay	72.180.081.822	132.928.595.736	305.519.339.407
	Lãi vay phải trả	159.013.826	1.933.271.553	6.279.089.377
Ông Đặng Tất Thành	Vay tiền	0	598.730.000.000	0
	Trả tiền vay	142.500.000.000	135.000.000.000	0
	Lãi vay phải trả	3.395.441.096	10.136.227.398	0
Ông Bùi Văn Hùng	Vay tiền	17.135.900.000	0	0
	Lãi vay phải trả	189.743.425	0	0
Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Vay tiền	12.810.940.000	0	0
	Lãi vay phải trả	157.943.096	0	0
Công ty CP Sông Đà 505	Vay tiền	15.000.000.000	134.550.000.000	27.772.000.000
	Trả nợ vay	65.050.000.000	84.500.000.000	27.772.000.000
	Lãi vay phải trả	448.108.767	425.832.877	201.064.283
	Cho vay và thu hồi cho vay	19.851.122.740	14.600.000.000	0
	Lãi cho vay	0	48.760.000	0
Công ty CP Xây dựng S55	Tạm ứng	94.500.000.000	0	0
	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	0	166.388.888	19.160.283.812
	Mua hàng hóa và dịch vụ	0	0	270.014.566
	Thuê tài sản	20.833.332	0	0
	Vay tiền		0	18.000.000.000
	Trả nợ vay	0	18.000.000.000	0
	Lãi vay phải trả		830.860.274	580.832.877
Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	Mua hàng hóa	0	0	1.374.585.765
	Mua dịch vụ	0	0	187.550.469
	Cho vay	0	719.500.000	318.000.000

Bên liên quan	Giao dịch	Quý I/2026	Năm 2025	Năm 2024
	Lãi cho vay	0	0	94.494.635
Công ty TNHH MTV ANI SH	Mua dịch vụ	105.055.334	299.854.442	137.275.380
	Mua hàng	0	0	25.097.000
	Cung cấp dịch vụ	0	118.055.556	479.154.601
Công ty CP ANI POWER	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	0	100.852.582	42.000.000
	Mua tài sản	0	0	423.666.654
	Cổ tức được chia	194.011.200.000	301.795.200.000	107.784.000.000
	Cổ tức nhận được	194.011.200.000	298.821.980.850	107.784.000.000
	Cho vay	2.064.000.000	318.083.661.297	282.651.241.331
	Thu hồi khoản cho vay	2.064.000.000	344.881.181.681	255.853.720.947
	Lãi cho vay	500.274	3.489.093.438	487.758.581
	Vay tiền và trả nợ vay	0	45.119.500.000	0
	Phải trả khác	117.822.037.818	0	0
Công ty TNHH TMDV Phú Vinh	Cổ tức được chia	0	2.900.000.000	2.625.000.000
	Cổ tức nhận được	1.318.600.524	839.000.000	2.034.000.000
	Thoái vốn	0	0	8.750.000.000
	Cho vay	1.073.000.000	4.876.167.422	1.144.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	0	3.521.271.698	0
	Lãi cho vay	39.963.997	62.839.679	14.384.019
Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường	Cổ tức được chia	0	3.000.000.000	2.400.000.000
	Cổ tức nhận được	1.417.225.178	1.479.532.676	1.685.000.000
	Cho vay	1.036.000.000	2.278.282.313	477.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	0	2.755.282.313	0
	Lãi cho vay	9.926.521	22.533.877	3.944.258
Công ty CP Anza	Vay	0	192.505.730.000	0
	Trả tiền vay	0	140.486.965.362	47.773.012.989
	Chi phí lãi vay	0	10.845.489.364	13.928.731.501
	Chi phí lãi vay đã trả	0	100.000.000	10.831.987.011
	Chi trả cổ tức	0	8.799.096.500	17.598.193.000
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	9.028.796.500	-
	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Ani Power	0	0	69.076.490.000
	Nhận nợ vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành góp vốn	0	0	180.575.860.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	180.575.860.000	0
	Thuê tài sản	0	42.652.331	133.333.332

Bên liên quan	Giao dịch	Quý I/2026	Năm 2025	Năm 2024
Công ty CP Đầu tư Anzen	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	0	174.097.000.000
	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	174.097.000.000	0
	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Đồng Nai	0	0	27.338.500.000
	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Đồng Nai	0	27.338.500.000	0
	Cho vay và thu hồi tiền vay	0	0	10.955.000.000
	Lãi cho vay	0	0	5.434.452
	Vay	0	17.650.000.000	0
	Trả tiền vay	5.170.466.439	4.700.000.000	0
	Chi phí lãi vay	136.196.734	179.533.561	0
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Cho thuê tài sản	90.000.000	240.000.000	0
	Chuyển nhượng vốn	0	0	174.097.000.000
	Đầu tư vốn	0	174.097.000.000	0
	Cổ tức nhận được	0	0	10.290.000.000
	Cổ tức nhận được	9.140.000.000	0	0
	Vay	0	4.310.000.000	0
	Chi phí lãi vay	96.414.247	37.963.562	0
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	Đầu tư vốn	51.073.000.000	256.250.493.151	42.842.835.780
	Chuyển nhượng vốn	0	0	27.325.725.000
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	167.382.700	0
	Vay	0	211.125.000.000	10.000.000.000
	Trả nợ vay	0	10.000.000.000	0
	Chi phí lãi vay	2.919.914.383	3.741.373.288	0
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	Đầu tư vốn	0	0	929.500.000
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.000.000	690.343.437	86.155.792
	Mua dịch vụ	163.315.567	81.441.556	86.577.935
Công ty CP ANI Biên Hòa	Đầu tư vốn	0	598.800.000.000	0
	Vay	0	416.500.000.000	0
	Trả tiền vay	0	208.050.000.000	0

Bên liên quan	Giao dịch	Quý I/2026	Năm 2025	Năm 2024
	Chuyển trừ nghĩa vụ vay sang cho Ông Đặng Tất Thành	0	208.450.000.000	0
	Chi phí lãi vay	0	1.362.642.334	0
	Chuyển trừ nghĩa vụ lãi vay sang cho Ông Đặng Tất Thành	0	1.362.642.334	0
Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1	Đầu tư vốn	0	32.340.000.000	0
	Vay và trả tiền vay	807.000.000	16.410.000.000	0
	Chi phí lãi vay	158.005.356	158.457.411	0
	Cho vay	0	13.600.000.000	0
	Thu hồi tiền cho vay	0	9.285.000.000	0
	Lãi cho vay	0	380.693.150	0
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	Đầu tư vốn	0	1.200.000.000	0
	Vay và trả tiền vay	0	2.700.000.000	0
	Chi phí lãi vay	0	13.071.007	0
	Cho vay	0	15.265.000.000	0
	Thu hồi tiền cho vay	2.015.000.000	250.000.000	0
	Lãi cho vay	217.972.603	391.852.329	0
	Mua dịch vụ	404.530.400	2.596.007.872	0
	Cung cấp dịch vụ	163.636.364	490.909.091	0
	Trả tiền cho người bán	2.565.000.000	0	0
Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	Đầu tư vốn	0	0	36.500.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê	Nhận nợ vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành góp vốn	0	0	15.390.300.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	15.390.300.000	0
	Vay tiền	0	15.390.300.000	0
	Chi phí lãi vay	0	172.413.525	0
	Chi trả cổ tức	0	761.811.000	0
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	769.515.000	0
Công ty TNHH MTV MYA	Nhận nợ vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành góp vốn	0	0	12.810.940.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	12.810.940.000	0
	Vay tiền	0	12.810.940.000	0
	Chi phí lãi vay	0	143.517.626	0
	Chi trả cổ tức	0	634.133.500	0
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	640.547.000	0

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính tiêng tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

7.3.2.2Giao dịch các bên liên quan: Theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng 41: Giao dịch các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Bên liên quan	Giao dịch	Quý I/2026	Năm 2025	Năm 2024
Ông Đặng Quang Đạt	Vay tiền	197.711.830.000	60.797.840.983	98.000.000.000
	Trả nợ vay	63.847.790.792	146.709.172.634	86.428.810.654
	Lãi vay phải trả	2.300.986.298	1.731.093.573	3.886.685.806
	Chi trả cổ tức	0	139.062.500	317.675.000
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	161.149.000	0
	Nhận tiền góp vốn	0	0	3.222.980.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	3.222.980.000	0
Bà Đinh Thị Thanh Bình	Vay tiền	0	177.733.466.536	173.679.989.366
	Trả nợ vay	72.180.081.822	141.428.595.736	305.519.339.407
	Lãi vay phải trả	159.013.826	1.933.271.553	6.279.089.377
	Tạm ứng		7.943.320.000	160.684.914.274
	Hoàn ứng		1.511.585.294	181.687.959.488
Ông Đặng Tất Thành	Vay tiền	0	598.730.000.000	0
	Trả tiền vay	142.500.000.000	135.000.000.000	0
	Đặt cọc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	0	598.730.000.000	
	Lãi vay phải trả	3.395.441.096	10.136.227.398	0
Ông Bùi Văn Hùng	Vay tiền	17.135.900.000	0	0
	Lãi vay phải trả	189.743.425	0	0
Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Vay tiền	12.810.940.000	0	0
	Lãi vay phải trả	157.943.096	0	0
	Tạm ứng	0	7.265.464.186	0
	Hoàn ứng	0	4.765.464.186	300.000.000
Công ty CP Sông Đà 505	Vay tiền	15.000.000.000	134.550.000.000	27.772.000.000
	Trả nợ vay	65.050.000.000	84.500.000.000	27.772.000.000
	Lãi vay phải trả	448.108.767	425.832.877	201.064.283
	Cho vay và thu hồi cho vay	19.851.122.740	14.600.000.000	0
	Lãi cho vay	0	48.760.000	0
Công ty CP Xây dựng S55	Mua hàng hóa và dịch vụ	94.619.700.000	0	0
	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	0	12.652.746.888	19.160.283.812

	Mua hàng hóa và dịch vụ	0	3.167.123.780	270.014.566
	Thuê tài sản	0	0	0
	Vay tiền	0	0	18.000.000.000
	Trả nợ vay	0	18.000.000.000	0
	Lãi vay phải trả	0	830.860.274	580.832.877
Công ty TNHH MTV ANI SH	Mua hàng hóa và dịch vụ	113.459.761	12.549.923.842	13.286.642.763
	Cung cấp dịch vụ	0	118.055.556	479.154.601
Công ty CP ANI POWER	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	0	0	0
	Mua tài sản	0	0	0
	Cổ tức được chia	194.011.200.000	0	0
	Cổ tức nhận được	194.011.200.000	0	0
	Cho vay	2.064.000.000	0	0
	Thu hồi khoản cho vay	2.064.000.000	0	0
	Lãi cho vay	500.274	0	0
	Vay tiền và trả nợ vay	0	0	0
	Phải trả khác	117.822.037.818	0	0
Công ty TNHH TMDV Phú Vinh	Cổ tức được chia	0	0	0
	Cổ tức nhận được	1.318.600.524	0	0
	Thoái vốn	0	0	0
	Cho vay	1.073.000.000	0	0
	Thu hồi khoản cho vay	0	0	0
	Lãi cho vay	39.963.997	0	0
Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường	Cổ tức được chia	0	0	0
	Cổ tức nhận được	1.417.225.178	0	0
	Cho vay	1.036.000.000	0	0
	Thu hồi khoản cho vay	0	0	0
	Lãi cho vay	9.926.521	0	0
Công ty CP Đầu tư Anzen	Thuê tài sản	0	42.652.331	133.333.332
	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	0	174.097.000.000
	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	174.097.000.000	0
	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Đồng Nai	0	0	27.338.500.000

	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Đồng Nai	0	27.338.500.000	0
	Cho vay	0	0	212.355.000.000
	Thu hồi tiền vay		201.200.000.000	11.155.000.000
	Lãi cho vay	0	11.954.638.357	6.504.963.218
	Cổ tức được chia	0	302.400.000	108.000.000
	Cổ tức nhận được	0	0	57.600.000
	Vay	0	17.650.000.000	0
	Trả tiền vay	5.170.466.439	4.700.000.000	0
	Chi phí lãi vay	136.196.734	179.533.561	0
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Cho thuê tài sản	97.200.000	240.000.000	0
	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ		74.329.748	
	Chuyển nhượng vốn	0	0	174.097.000.000
	Đầu tư vốn	0	174.097.000.000	0
	Cổ tức nhận được	9.140.000.000	0	10.290.000.000
	Phải trả khác	0	0	0
	Vay	0	4.310.000.000	0
	Chi phí lãi vay	96.414.247	37.963.562	0
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	Đầu tư vốn	51.073.000.000	0	0
	Chuyển nhượng vốn	0	0	0
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0	0
	Vay	0	0	0
	Trả nợ vay	0	0	0
	Chi phí lãi vay	2.919.914.383	3.741.373.288	0
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	Đầu tư vốn	0	0	0
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.000.000	0	0
	Mua dịch vụ	177.020.916	0	0
Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1	Đầu tư vốn	0	0	0
	Vay và trả tiền vay	807.000.000	0	0
	Chi phí lãi vay	158.005.356	0	0
	Cho vay	0	0	0
	Thu hồi tiền cho vay	0	0	0
	Lãi cho vay	0	0	0
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	Đầu tư vốn	0	1.200.000.000	0
	Vay và trả tiền vay	0	2.700.000.000	0
	Chi phí lãi vay	0	13.071.007	0

	Cho vay	0	15.265.000.000	0
	Thu hồi tiền cho vay	2.015.000.000	250.000.000	0
	Lãi cho vay	217.972.603	391.852.329	0
	Mua dịch vụ	436.892.400	2.762.616.539	0
	Cung cấp dịch vụ	177.000.000	490.909.091	0
	Trả tiền cho người bán	2.565.000.000	0	0
Công ty CP Anza	Vay	0	192.505.730.000	0
	Trả tiền vay	0	140.486.965.362	47.773.012.989
	Chi phí lãi vay	0	10.845.489.364	13.928.731.501
	Chi phí lãi vay đã trả	0	100.000.000	10.831.987.011
	Chi trả cổ tức	0	8.799.096.500	17.598.193.000
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	9.028.796.500	-
	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Ani Power	0	0	69.076.490.000
	Nhận nợ vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành góp vốn	0	0	180.575.860.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	180.575.860.000	0
Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê	Nhận nợ vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành góp vốn	0	0	15.390.300.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	15.390.300.000	0
	Vay tiền	0	15.390.300.000	0
	Chi phí lãi vay	0	172.413.525	0
	Chi trả cổ tức	0	761.811.000	0
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	769.515.000	0
Công ty TNHH MTV MYA	Nhận nợ vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành góp vốn	0	0	12.810.940.000
	Hoàn trả tiền góp vốn	0	12.810.940.000	0
	Vay tiền	0	12.810.940.000	0
	Chi phí lãi vay	0	143.517.626	0
	Chi trả cổ tức	0	634.133.500	0
	Chi trả phí sử dụng vốn	0	640.547.000	0
Công ty CP Ehula	Mua dịch vụ	0	3.500.000.000	0

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2026 của Công ty Cổ phần ANI

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng: Ông Bùi Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT, Ông Đặng Tất Thành - Tổng Giám đốc, Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kế toán trưởng.

2. Cam kết của công ty:

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo *(nếu có)*.

- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng, Công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ANI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0303255529 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN ANI * QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Bùi Văn Hùng

TỔNG GIÁM ĐỐC	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
Đặng Tất Thành	**Nguyễn Thị Hải Yến**